

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TỔNG KẾT **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** **ĐỀ TÀI CẤP TỔNG CỤC**

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP **TÍNH CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ** **DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP** **VÀ THỦY SẢN**

Đơn vị chủ trì : Vụ Thống kê Nông, lâm nghiệp và thủy sản
Chủ nhiệm đề tài : Cử nhân Nguyễn Hoà Bình
Thư ký đề tài : Cử nhân Đỗ Thị Thu Hà

HÀ NỘI, NĂM 2004

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH

Chủ nhiệm đề tài: Cử nhân Nguyễn Hoà Bình

Các thành viên tham gia:

- | | |
|---------------------------------|---|
| 1. CN Phạm Quang Vinh | Vụ trưởng Vụ NLN-TS |
| 2. CN Lưu Văn Vĩnh | Phó Vụ trưởng Vụ NLN-TS |
| 3. CN Lê Đỗ Mạch | Viện Khoa học Thống kê |
| 4. CN Nguyễn Ngọc Vân | Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp |
| 5. CN Nguyễn Tuấn Nghĩa | Phó Cục trưởng Cục TK Hà Tây |
| 6. CN Trần Thị Kim Xuyên | Phó Cục trưởng Cục TK Tiền Giang |
| 7. CN Đinh Thị Hoan | Chuyên viên chính Vụ NLN-TS |
| 8. CN Đỗ Thị Thu Hà | Chuyên viên Vụ NLN-TS |

HÀ NỘI, NĂM 2004

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Lời nói đầu	2
Phần I: Sự cần thiết và thực trạng tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở Việt Nam trong những năm vừa qua	3
1. Sự cần thiết của việc tính toán và áp dụng chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta	3
2. Các phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản của địa phương trước năm 2004	7
3. Nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất ban hành trong thông tư số: 94/TCTK - NLTS của Tổng cục Thống kê ngày 25 - 02 - 2004	9
4. ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở các Cục Thống kê năm 2004	13
Phần II: Nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất của FAO và một số nước trên thế giới	20
1. Khuyến nghị của Tổ chức lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) về tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất	20
2. Kinh nghiệm của một số nước về tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất	26
Phần III: Một số đề xuất về hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta	33
1. Bổ sung và hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản áp dụng cho công tác thống kê nông nghiệp và thủy sản giai đoạn (2005 - 2010).	33
2. Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá đầy đủ, chính xác và khoa học hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta áp dụng cho công tác thống kê nông nghiệp và thủy sản giai đoạn (2010 - 2020)	39

Kết luận	43
Phụ lục	45
Danh mục tài liệu tham khảo	61
Danh mục sản phẩm đạt được	62

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đảng và Nhà nước nhiều địa phương đã chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo chiều sâu (thâm canh, tăng vụ, sử dụng giống mới, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi,...) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập trên một đơn vị diện tích đất.

Từ mục tiêu phấn đấu “xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm” ở tỉnh Thái Bình đến nay đã trở thành phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp của các địa phương trong cả nước nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và cải thiện đời sống nông dân. Thực tiễn phong trào này đã đặt ra yêu cầu đối với ngành Thống kê cần tiến hành nghiên cứu qui định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu này một cách thống nhất nhằm đánh giá và so sánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của các địa phương, kể cả so sánh quốc tế.

Đề tài khoa học: “Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản” được triển khai thực hiện trong năm 2004 nhằm nghiên cứu hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu này trước yêu cầu đòi hỏi thực tiễn của các cấp, các ngành và các địa phương.

Nội dung của đề tài được tập trung vào một số vấn đề sau:

Nghiên cứu khảo sát thực trạng nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu này ở một số địa phương trong những năm vừa qua.

Tham khảo tài liệu của FAO và một số nước về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản.

Từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu cho phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam và đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia áp dụng cho công tác thống kê nông nghiệp và thủy sản giai đoạn (2005 - 2020).

BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ THỰC TRẠNG TÍNH CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM VỪA QUA

1. Sự cần thiết của việc thu thập thông tin đánh giá hiệu quả tổng hợp sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta

Đối với nước ta, kể từ khi Đảng và Nhà nước khởi xướng công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tuy thời gian cải cách mở cửa chưa lâu, nhưng thành tựu đổi mới của nước ta đã được các Tổ chức quốc tế và các nước ghi nhận và đánh giá rất cao. Sự kiện Văn phòng đại diện Chương trình Lương thực Thế giới tuyên bố đóng cửa tại Việt Nam (1993) và nước ta nhiều năm xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới đã đánh dấu bước phát triển ngoạn mục đảm bảo an ninh lương thực quốc gia của Việt Nam trước thế giới.

Bước sang đầu thế kỷ XXI, sản xuất nông nghiệp và thủy sản Việt Nam đã chuyển tiếp sang một giai đoạn mới: phát triển theo chiều sâu (thâm canh, tăng năng suất, sử dụng giống mới, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi,...) nâng cao hiệu quả sản xuất gắn bó chặt chẽ với thị trường tiêu thụ hàng hoá trong và ngoài nước. Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhiều địa phương trong nước đã khai thác tối đa mọi nguồn lực: lao động, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, lợi thế so sánh, thị trường,... để bố trí, quy

hoạch lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa nhanh khoa học - công nghệ mới vào sản xuất, tìm kiếm thị trường đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Nhiều hộ nông dân nắm bắt cơ chế thị trường đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư, xây dựng trang trại, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, thâm canh, tăng vụ, gối vụ, chuyển vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng thêm giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích và nâng cao thu nhập đời sống của hộ.

Thực hiện Nghị quyết 09/2000/NQ - CP ngày 15 - 6 - 2000 của Chính phủ về việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ nông sản, từ tỉnh Thái Bình - quê hương phong trào 5 tấn thóc trên 1 ha đất 2 vụ lúa những năm 60 của thế kỷ XX Ban thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 10 - 4 - 2003 về xây dựng cánh đồng đạt giá trị sản phẩm 50 triệu đồng/ha/năm. Hưởng ứng phong trào này, nhiều tỉnh đã đưa mục tiêu phấn đấu đạt và vượt 50 triệu đồng/ha/năm vào Nghị quyết tỉnh Đảng bộ và Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh. Đến nay phong trào này đã được hộ nông dân cả nước tích cực hưởng ứng nhằm tạo nên bước đột phá mới phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất và đời sống của hộ.

Ngày 16 - 4 - 2004, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam và báo Nhân dân đã phối hợp tổ chức Hội nghị và phát động phong trào thi đua “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, xây dựng nhiều cánh đồng, trang trại, hộ nông dân đạt và vượt 50 triệu đồng/ha/năm”. Đánh giá tình hình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nước ta trong 3 năm qua (2001 - 2003) cho thấy: cả nước diện tích gieo trồng lúa tuy đã giảm 217000 ha, diện tích cà phê giảm 50000 ha, diện tích vườn tạp giảm gần một nửa nhưng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng liên tục: năm 2001/2000 tăng 4,9%; năm 2002/2001 tăng 5,4%; năm 2003/2002 tăng 5,7%; năm 2004/2003 tăng 5,4% và GDP tăng với tốc độ tương ứng các năm như sau: 2,9% (2001/2000); 4,1% (2002/2001), 3,2% (2003/2002); 3,5% (2004/2003). Nhiều chỉ tiêu kinh tế

nông nghiệp đến năm 2003 đã đạt hoặc vượt mục tiêu của Đại hội IX của Đảng đề ra như: lương thực đạt 37,4 triệu tấn/37 triệu tấn; sản lượng thóc đạt 34,5 triệu tấn/34 triệu tấn, sản lượng cà phê đạt 771000 tấn/600000 tấn;... Theo Cục Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trong tổng số 9,4 triệu ha đất nông nghiệp cả nước có một số loại đất: ruộng 3 vụ, diện tích đất trồng màu, trồng cây công nghiệp hàng năm, đất chuyên trồng rau và diện tích mặt nước nuôi thủy sản chiếm khoảng gần 20% diện tích đất nông nghiệp và thủy sản cả nước có khả năng đạt mục tiêu này (chưa kể diện tích trồng lúa chuyển sang nuôi trồng thủy sản).

Các mô hình đạt và vượt mục tiêu 50 triệu đồng/ha/năm hầu như ở vùng miền nào cũng có: Vùng đồng bằng sông Hồng xuất hiện mô hình: trồng hoa cây cảnh, trồng rau màu nhiều vụ, trồng rau màu vụ đông, chuyển ruộng trũng, ruộng 1 vụ cấy lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy đặc sản; chuyển đất trồng cây hàng năm, vườn tạp giá trị kinh tế thấp sang trồng cây ăn quả đặc sản (bưởi đặc sản, nhãn lồng, cam Bố Hạ, vải thiều,...). .. đạt giá trị hơn 50 triệu đồng/ha/năm, thậm chí có hộ, trang trại đạt hơn 100 triệu đồng/ha/năm. Đạt giá trị sản phẩm lớn nhất trong các mô hình nói trên là trồng hoa, cây dược liệu (đạt giá trị sản phẩm từ 140 - 200 triệu đồng/ha/năm), sau đó là mô hình trồng rau đậu các loại, mô hình trồng đu đủ giống Đài Loan, trồng dưa chuột, cà chua, bí xanh (đạt từ 79 - 90 triệu đồng/ha/năm). Vùng đồng bằng sông Cửu Long, có các mô hình: chuyên canh cây ăn trái, cây đặc sản (bưởi Năm Roi, bưởi Biên Hòa, quýt hồng, cam đường, sầu riêng cùi vàng, đu đủ Đài Loan,...); luân canh lúa - rau màu; chuyên canh rau màu - hoa cây cảnh và cây công nghiệp ngắn ngày; mô hình nuôi trồng thủy sản thâm canh; mô hình trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (lúa - cá, lúa - tôm). Vùng duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ,... cũng xuất hiện nhiều mô hình luân canh, xen canh, gối vụ lúa - màu, trồng cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm, nuôi tôm càng xanh kết hợp trồng lúa; nuôi tôm trên cát, nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh ven biển;... nhằm phấn đấu đạt và vượt mục tiêu 50 triệu đồng trên 1 hecta một năm.

Phong trào phấn đấu đạt và vượt mục tiêu “50 triệu đồng/ha/năm trên diện tích đất nông nghiệp và thuỷ sản” được phát động trên cả nước là một tín hiệu đáng mừng: đánh dấu bước chuyển biến mới theo chiều sâu trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn nước ta theo cơ chế thị trường với những đòi hỏi cao về hiệu quả, năng suất và chất lượng mà mục tiêu tối thượng của nó là kiếm tìm giá trị và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích đất. Nó đánh dấu bước phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trong sản xuất nông nghiệp và thuỷ sản ở nước ta. Phong trào này có tác động nhiều mặt: tích cực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hoá sản xuất, tập trung, thâm canh xây dựng nền nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại mang nặng tư tưởng bao cấp từ Trung ương đến các địa phương. Nó khơi dậy tâm lý sản xuất hàng hoá - thị trường của hàng triệu nông dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp khai thác tiềm năng đất đai, vốn, trí tuệ, năng lực, gắn bó giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong tiến trình hội nhập và mở cửa. Thực tế phong trào thi đua này tuy mới đẩy lên thực hiện một vài năm gần đây nhưng đã tạo nên chuyển biến tư tưởng mạnh mẽ trong cán bộ và nông dân các địa phương. Từ chỗ trước kia nhiều tỉnh như Thái Bình chủ yếu canh tác 2 vụ lúa đạt giá trị cao nhất cũng chỉ hơn 20 triệu đồng/ha/năm, nay nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, sử dụng giống mới, thâm canh, tăng vụ, chuyển vụ, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi... đã xây dựng được nhiều cánh đồng, trang trại, hộ đạt và vượt trị giá 50 triệu đồng/ha/năm.

Thực tiễn phong trào nêu trên đã đặt ra yêu cầu thông tin về đánh giá hiệu quả tổng hợp sử dụng đất nông nghiệp và thuỷ sản phục vụ cho các cấp, các ngành trong quá trình chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở địa phương và cơ sở. Đồng thời cũng đặt ra yêu cầu bức thiết đối với ngành Thống kê cần sớm nghiên cứu qui định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thuỷ sản thống nhất thu thập, tính toán giữa các địa phương và so sánh quốc tế.

2. Các phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản của các địa phương trước năm 2004

Để phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh về đánh giá hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị sử dụng đất, một số Cục Thống kê (Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang,...) đã có văn bản tạm thời quy định cụ thể về nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng hợp sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản (xem phần phụ lục kèm theo).

Nhìn chung, trước khi có thông tư tạm thời hướng dẫn nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích của Tổng cục thống kê, Cục Thống kê các tỉnh thu thập, tính toán chỉ tiêu này rất khác nhau như sau:

- Một số tỉnh sử dụng chỉ tiêu giá trị sản xuất nông nghiệp (trong đó có cả GTSX ngành chăn nuôi như tỉnh Hà Nam) và giá trị sản xuất thủy sản (kể cả dịch vụ nông nghiệp và thủy sản) để tính toán chỉ tiêu *giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản*.

- Một số tỉnh sử dụng chỉ tiêu giá trị sản phẩm (lấy chỉ tiêu giá trị sản xuất, loại trừ giá trị dịch vụ nông nghiệp và thủy sản) trên đất nông nghiệp và thủy sản để tính toán chỉ tiêu *giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản*.

- Một số tỉnh (Tiền Giang, Thanh Hoá, Nghệ An,...) do xin được nguồn kinh phí của tỉnh đã tổ chức điều tra giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất và thu nhập để tính 2 chỉ tiêu *giá trị sản phẩm*, *thu nhập và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản*.

Nguồn số liệu để tính toán các chỉ tiêu nêu trên phần lớn các tỉnh đều dựa vào số liệu sẵn có từ các cuộc điều tra và báo cáo (điều tra diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, điều tra nuôi trồng thủy sản, số liệu kiểm kê đất của ngành Địa chính, báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản,...) hoặc tổ chức điều tra theo phương án riêng của tỉnh. Với nội dung và phương pháp tính khác nhau nêu trên, kết quả tính ra ở các địa phương từ năm 2003 trở về trước không thống nhất về phạm vi, nội dung và phương pháp thu thập, tính toán nên không so sánh được giữa các địa phương, thậm chí giữa các huyện, xã, đơn vị trong tỉnh.

Trong cuộc hội thảo khoa học tổ chức ngày 18 tháng 12 năm 2003 tại Viện Khoa học Thống kê về “Phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một hecta đất nông nghiệp” cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau của các nhà khoa học thống kê về nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu này gần giống như ý kiến của các địa phương nêu trên (xem bài tóm lược một số vấn đề chủ yếu nêu trong hội thảo khoa học “Phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một hecta đất nông nghiệp” trong chuyên san Thông tin Khoa học Thống kê năm 2003).

Tham gia nghiên cứu, tính toán chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản trong thời gian qua không chỉ có ngành Thống kê mà các ngành khác: Nông nghiệp, Kế hoạch, Thủy sản, các Viện nghiên cứu khoa học cũng nêu nhiều ý kiến rất khác nhau về nội dung, phạm vi, phương pháp tính. So sánh giữa các ngành cho thấy:

Ngành Thống kê chủ yếu nghiên cứu và qui định nội dung và phương pháp tính trên phạm vi địa bàn chung của tỉnh và huyện nhằm đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản.

Trong khi đó ngành Nông nghiệp, Hội Nông dân Việt Nam và một số Bộ ngành khác lại nghiên cứu tính toán ở phạm vi nhỏ hơn (địa bàn xã, cánh đồng mẫu, thậm chí hộ nông dân) nhằm phục vụ cho việc chỉ đạo trực tiếp và nhân rộng mô hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất từng loại cây, con cụ thể trên từng địa bàn. Ví dụ: Theo thống kê của các Bộ ngành đến nay tỉnh Thái Bình

đã triển khai mục tiêu này ở 377 cánh đồng (bình quân 11,59 ha/cánh đồng) và 181 xã (chiếm 62% tổng số xã, phường có sản xuất nông nghiệp) với 3851 ha đất canh tác ở các huyện trong tỉnh. Ở xã Thụy An (Thái Thụy, Thái Bình) năm 2003 giá trị sản phẩm toàn xã đạt 51,5 triệu đồng/ha nhờ thực hiện theo các mô hình canh tác chủ yếu sau:

Công thức luân canh	Diện tích (ha)	Tổng thu/ha (triệu đồng)
Thuốc lào - Dưa gang xuất khẩu - Lúa mùa - Hành đông	50,0	73,5
Thuốc lào - Dưa hấu xuân - Dưa gang hè - Lúa mùa - Hành tỏi	89,0	65,6
Lạc xuân - lúa mùa - Củ cải xuất khẩu	10,0	62,6
Lúa xuân-lúa mùa - Hành tỏi đông	10,0	70,0
Lúa xuân - Lúa mùa	110,4	25,0

Tỉnh Hà Tây đến nay đã có 3000 ha cánh đồng mẫu có quy mô 1 ha trở lên đạt giá trị 50 triệu đồng/ha cả năm với các mô hình luân canh trồng các loại rau; lúa - rau màu vụ đông; lúa - cá ở vùng trũng; trồng hoa, trồng cây ăn quả,...

Tỉnh Hải Dương đến nay đã xây dựng được 10000 ha canh tác chiếm 15% diện tích đất đạt giá trị 50 triệu đồng/ha với mô hình trồng cây ăn quả đặc sản vài triệu, trồng rau màu nhiều vụ trong năm, nuôi thủy đặc sản. Trong các huyện của tỉnh, huyện Gia Lộc dẫn đầu về giá trị sản phẩm đạt được trên 1 ha canh tác của tỉnh Hải Dương với mô hình trồng rau màu vụ đông, trồng rau quả đạt giá trị 52 triệu đồng/ha/năm.

3. Nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất ban hành trong thông tư số: 94/TCTK - NLTS của Tổng cục Thống kê ngày 25 - 02 - 2004

Sau một thời gian nghiên cứu khảo sát ở một số địa phương, Tổng cục Thống kê đã ban hành thông tư số: 94/TCTK-NLTS của Tổng cục Thống kê ngày 25 - 02 - 2004 hướng dẫn tạm thời phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một hecta đất nhằm thống nhất nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản trong cả nước, cụ thể là:

1/ Chỉ tiêu chung: Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản là giá trị toàn bộ sản phẩm chính, sản phẩm phụ trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (trừ giá trị thủy sản lồng bè - có chỉ tiêu tính riêng) thu được trong năm trên một hecta đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản trong năm đó.

Công thức tính:

Giá trị sản phẩm trên 1 ha DT đất NN và mặt nước nuôi trồng thủy sản (triệu đồng/ha)	=	Tổng giá trị sản phẩm trồng trọt và sản phẩm nuôi trồng thủy sản thu được trong năm (triệu đồng)	:	Tổng diện tích đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản tạo ra các sản phẩm đó (ha)
--	---	--	---	--

Chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một ha chỉ áp dụng tính toán trong lĩnh vực trồng trọt và nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi một đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh) có hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong năm hoặc một doanh nghiệp nông nghiệp nuôi trồng thủy sản đã định hình đi vào sản xuất kinh doanh có thu hoạch sản phẩm ổn định.

2/ Chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một ha có thể tính riêng cho từng loại đất: đất nông nghiệp, đất cây hàng năm, đất cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản v.v... hoặc tính cho từng loại cây, từng nhóm cây, từng loại thủy sản. Có thể tính cho từng ngành, tiểu ngành theo các công thức:

(1) Giá trị sản phẩm trên 1 ha DT đất nông nghiệp (triệu đồng/ha)	=	Tổng giá trị sản phẩm trồng trọt thu được trong năm (triệu đồng)	:	Tổng diện tích đất nông nghiệp tạo ra các SP đó (ha)
--	---	---	---	---

(2) Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng cây hàng năm	=	Tổng giá trị sản phẩm cây hàng năm thu được trong năm	:	Tổng diện tích đất cây hàng năm tạo ra các SP đó
---	---	---	---	--

(triệu đồng/ha)		(triệu đồng)		(ha)
(3) Giá trị sản phẩm trên 1 ha DT đất trồng cây lâu năm (triệu đồng/ha)	=	Tổng giá trị sản phẩm cây lâu năm thu được trong năm (triệu đồng)	:	Tổng diện tích đất trồng cây lâu năm tạo ra các SP đó (ha)
(4) Giá trị sản phẩm trên 1 ha DT mặt nước nuôi trồng thủy sản (triệu đồng/ha)	=	Tổng giá trị các sản phẩm nuôi trồng thủy sản thu được trong năm (không kể nuôi lồng bè) (triệu đồng)	:	Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tạo ra các sản phẩm đó (ha)

Về nguyên tắc phải thống nhất về nội dung tính giữa giá trị sản phẩm thu hoạch (tử số) với diện tích đất sản xuất (mẫu số) trong các công thức.

Giá trị sản phẩm bằng sản lượng thu hoạch trong năm nhân với đơn giá sản phẩm. Đơn giá dùng tính theo giá thực tế là giá bán bình quân của người sản xuất trên thị trường nông thôn. Phần sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản tự tiêu, biếu, tặng cũng tính theo đơn giá bình quân của người sản xuất.

a) Sản phẩm:

Sản phẩm trồng trọt (gồm cả cây hàng năm và lâu năm), sản phẩm nuôi trồng thủy sản chỉ tính những sản phẩm sản xuất thực tế có thu hoạch trong năm. Sản lượng thóc chỉ tính số thóc thực tế thu hoạch đã phơi khô quạt sạch, không kể số thóc rơi rụng khi thu hoạch ngoài đồng và phần rơi rụng trong quá trình vận chuyển...; Đối với sản phẩm phụ chỉ tính sản phẩm có thu hoạch và sử dụng như phân rơm rạ thu hoạch về làm chất đốt, cho trâu bò ăn, làm nấm hoặc thân cây ngô, dây lang, thân cây lạc .v..v.

Giá trị sản phẩm của từng ngành, tiểu ngành bao gồm cả những sản phẩm thu được từ trồng xen nuôi kết hợp trên diện tích của ngành, tiểu ngành đó: như giá trị cây hàng năm bao gồm cả giá trị thủy sản nuôi trên đất lúa; giá trị sản phẩm cây lâu năm bao gồm cả sản phẩm cây hàng năm, cây lâm nghiệp trồng xen trên đất cây lâu năm

Giá trị sản phẩm không bao gồm :

- Sản phẩm thu được trên đất mới khai hoang chưa quá 3 năm, nương rẫy du canh.

- Sản phẩm cây lâu năm thu hái trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

- Sản phẩm cây lâu năm trồng phân tán.

- Giá trị dịch vụ trồng trọt, giá trị dịch vụ nuôi trồng thủy sản.

b) Diện tích:

b.1- Diện tích đất nông nghiệp gồm:

* Diện tích trồng cây hàng năm (đất canh tác) : là đất dùng để trồng các loại cây nông nghiệp có thời gian sinh trưởng đến thu hoạch không quá một năm tính từ lúc gieo trồng đến thu hoạch bao gồm các loại :

- Đất trồng lúa (3 vụ, 2 vụ, 1 vụ), đất trồng các loại rau, màu, cây công nghiệp hàng năm...

- Đất trồng các loại cây lưu gốc như mía, cói.

- Đất bỏ hoá dưới 3 năm

* Diện tích đất trồng cây lâu năm:

- Đất trồng các loại cây công nghiệp lâu năm như: cà phê, cao su, chè, hồ tiêu, điều, dừa vv...

- Đất trồng các loại cây ăn quả như : cam, quýt, xoài, nhãn, vải...v...v..

- Đất trồng các loại cây lâu năm khác như: dâu tằm v.v..

- Diện tích đất trồng cỏ có thu hoạch và tính toán được sản lượng dùng vào chăn nuôi (không tính đồng cỏ tự nhiên).

b.2- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản:

Là toàn bộ mặt nước các ao, hồ, sông cắt, đầm phá ven biển... thuộc các loại nước (ngọt, mặn, lợ) dùng vào nuôi trồng các loại thủy sản (không kể diện tích nuôi lồng, bè). Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản bao gồm:

- Diện tích mặt nước nuôi cá các loại;

- Diện tích mặt nước nuôi tôm các loại;
- Diện tích mặt nước các loại thủy sản khác (nghêu, sò, ốc ...).

Chú ý: Không tính vào diện tích cây hàng năm phần diện tích khai hoang chưa quá 3 năm, nương rẫy du canh .

Đất cây lâu năm chỉ tính diện tích đất cho sản phẩm thực tế đã đưa vào kinh doanh.

Những diện tích trồng xen canh từ 2 loại cây hoặc nuôi trồng 2 loại thủy sản trở lên thì diện tích tính cho loại cây trồng hoặc loại thủy sản chính.

Đất cây hàng năm , đất cây lâu năm và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản gồm cả diện tích thuộc đất thổ cư, đất vườn liền nhà; đất cây lâu năm chỉ tính những diện tích trồng tập trung từ 100 m² trở lên.

Nguồn số liệu:

- Giá trị sản phẩm trồng trọt, giá trị sản phẩm thủy sản nuôi trồng theo giá thực tế lấy từ báo cáo chính thức “giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và giá trị sản xuất ngành thủy sản “.

- Diện tích đất nông nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy sản lấy theo tài liệu thống kê đất vào ngày 1 tháng 10 hàng năm của ngành Địa chính .

- Sản lượng sản phẩm thu hoạch cây hàng năm, cây lâu năm (kể cả sản phẩm phụ) thu hoạch căn cứ vào báo cáo thống kê định kỳ của doanh nghiệp Nhà nước hàng năm và kết quả điều tra diện tích, năng suất sản lượng cây trồng từng vụ và cả năm của huyện, tỉnh. Thời vụ gieo trồng và thu hoạch sản phẩm từng vụ và cả năm tính toán theo đúng qui định trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ nông, lâm nghiệp và thủy sản ban hành theo quyết định số: 657/2002/QĐ - TCTK ngày 02 - 10 - 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

4. Ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở các Cục Thống kê

Theo phương án hướng dẫn của Tổng cục Thống kê, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tính toán chỉ tiêu giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha diện tích đất nông nghiệp và thủy sản năm 2003 như sau:

Giá trị sản phẩm trồng trọt cả nước đạt: 18,2 triệu đồng/ha/năm, chia ra giá trị sản phẩm cây hàng năm đạt: 18,4 triệu đồng/ha/năm; giá trị sản phẩm cây lâu năm đạt: 18 triệu đồng/ha/năm. Vùng đạt giá trị sản phẩm trồng trọt cao là: đồng bằng sông Hồng cũng chỉ đạt 28,6 triệu đồng/ha và vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 20,5 triệu đồng/ha; các vùng khác đạt mức thấp hơn: vùng Đông Bắc: 14,3 triệu đồng/ha; vùng Tây Bắc chỉ đạt 8,9 triệu đồng/ha. Kết quả này cho thấy: giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt ở Việt Nam còn rất thấp mới đạt 36,4% so với mục tiêu 50 triệu đồng/ha/năm, 2 vùng đồng bằng đạt cao cũng chỉ chiếm 41% (ĐBSCL) đến 57,2% (ĐBSH).

Giá trị sản phẩm thủy sản nuôi trồng tính trên 1 ha cả nước đạt 35,2 triệu đồng, mới đạt 70,4% so với mục tiêu 50 triệu đồng/ha/năm, hiệu quả nuôi trồng thủy sản cả nước nhìn chung còn thấp và không đồng đều giữa các vùng miền, địa phương. Hiệu quả nuôi thủy sản đạt cao nhất là vùng duyên hải miền Trung đạt 91,2 triệu đồng/ha và vùng miền Đông Nam Bộ đạt 56,3 triệu đồng/ha. Trong khi đó 2 vùng trọng điểm nông nghiệp và nuôi thủy sản cả nước (chiếm 82,8% diện tích nuôi trồng) là vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng chỉ đạt 35,3 triệu đồng/ha (chiếm 70,6%) và 26,9 triệu đồng/ha (chiếm 53,8%) mỗi vùng. Tuy vậy, có những tỉnh chỉ với hơn 1515 ha nuôi cá theo phương thức nuôi thâm canh bằng thức ăn công nghiệp như An Giang (phần lớn là nuôi cá tra hăm, nuôi đàng quăng) đạt giá trị sản phẩm rất cao: 322 triệu đồng/ha, tỉnh Cần Thơ đạt 168 triệu đồng/ha; tỉnh Hậu Giang đạt 162,5 triệu đồng/ha, tỉnh Ninh Thuận đạt 148,7 triệu đồng/ha; tỉnh Khánh Hòa đạt 137,1 triệu đồng/ha... So sánh hiệu quả giữa 2 ngành trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chung cả nước cho thấy giá trị sản phẩm thủy sản bình quân chung đạt cao gấp 1,93 lần giá trị sản phẩm trồng trọt thu được trên 1 ha.

Điều này cho thấy chủ trương cho phép chuyển đổi những diện tích trồng lúa và những cây trồng năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp nước ta sang nền kinh tế thị trường với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Nguồn số liệu thu thập tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp và thủy sản, các Cục Thống kê (kể cả Phòng thống kê huyện) phổ biến đều sử dụng khai thác số liệu sẵn có từ kết quả các cuộc điều tra: diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng từng vụ, điều tra thủy sản hàng năm, giá nông sản bình quân năm qua điều tra giá CPI của bộ phận thống kê Thương mại - Giá cả; kết quả tính toán giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản; diện tích đất nông nghiệp và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản vào số liệu kiểm kê, thống kê thường xuyên của ngành Địa chính vào ngày 1 tháng 10 hàng năm của Sở Tài nguyên - Môi trường;... Việc khai thác từ các nguồn số liệu sẵn có nêu trên có ưu điểm là tiết kiệm kinh phí điều tra, đảm bảo thống nhất số liệu giữa các cuộc điều tra, phù hợp với điều kiện kinh phí còn rất hạn hẹp của ngành thống kê.

Tuy vậy, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, trong quá trình thu thập, tính toán chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp và thủy sản ở các tỉnh theo Thông tư số: 94/TCTK-NLTS của Tổng cục Thống kê cũng tồn tại những hạn chế, nhược điểm sau:

- Khá nhiều tỉnh trực tiếp sử dụng chỉ tiêu *giá trị sản xuất trồng trọt và giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản* (sau khi loại trừ toàn bộ giá trị dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ thủy sản) và coi đây là giá trị sản phẩm trồng trọt và giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản thu được trong năm (dùng làm tử số công thức) để tính toán chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một hecta đất nông nghiệp và thủy sản. Cách tính này cho thấy đã có sự hiểu lầm về phạm vi thống kê sản phẩm khi tính chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông

ng nghiệp và thủy sản. Cần phải phân biệt rằng sản phẩm được tính vào ngành nào (trồng trọt hay thủy sản) khi tính chỉ tiêu *giá trị sản xuất nông nghiệp hay giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản* là căn cứ vào hình thái, đặc điểm, công dụng kinh tế của sản phẩm để phân chia vào một ngành, không cần biết sản phẩm đó sản xuất trên loại đất nào, theo phương thức nào (trồng riêng hay trồng xen) trên cùng một diện tích đất, ví dụ: nếu là cá, tôm, sản phẩm thủy sản khác thu hoạch bất kể trồng trên đất nào và theo phương thức trồng trọt nào đều tính vào giá trị sản xuất ngành thủy sản, nếu là thóc lúa, rau quả đều tính vào giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Trong khi đó, việc tính sản phẩm nông nghiệp hay sản phẩm thủy sản vào *giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp hay giá trị sản phẩm thủy sản* khi tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản lại phải đảm bảo nguyên tắc đồng nhất giữa diện tích đất sử dụng trong năm với sản phẩm thu được cũng trên diện tích đó trong một năm. Do đó, khi tính toán chỉ tiêu này lại phải phân biệt theo 2 phương thức nuôi trồng sau đây:

Trường hợp thứ nhất: Nếu trên cùng một diện tích đất trồng một loại cây hoặc hoặc nuôi một loại thủy sản quanh năm thì chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị sản phẩm sản xuất ra trong năm (kể cả giá trị sản phẩm phụ) được tính tương đối giống nhau về nội dung và phương pháp tính (không kể giá trị dịch vụ).

Trường hợp thứ hai: Nếu trên cùng một diện tích đất trong năm trồng nhiều vụ, nhiều cây kết hợp khác nhau (như: 1 vụ trồng lúa và 1 vụ nuôi tôm; hoặc 1 vụ lúa + 1 vụ cá; hoặc trồng cây ăn quả xen nuôi cá; xen canh nhiều loại cây con,...) thì nội dung tính toán giá trị sản xuất theo ngành và giá trị sản phẩm trên 1 ha đất theo ngành lại hoàn toàn khác nhau. Trong trường hợp này thì giá trị sản phẩm trên một ha đất tính vào ngành trồng trọt hay ngành thủy sản lại phải tuân thủ nguyên tắc: giá trị sản phẩm thu được của ngành nào trên cùng một diện tích đất lớn hơn trong năm thì được coi là ngành chính, ngược

giá trị sản phẩm thu được có giá trị nhỏ hơn được coi là sản phẩm phụ và tính vào cho ngành sản xuất chính đó.

Trên thực tế, để nâng cao giá trị sản phẩm trên 1 ha đất, mô hình đa canh, xen canh trên một thửa đất giữa cây hàng năm và cây lâu năm, giữa trồng trọt kết hợp nuôi trồng thủy sản trong nền nông nghiệp gắn với thị trường hiện nay ở nước ta đang có xu hướng ngày càng tăng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích đất canh tác.

Ví dụ này có thể thấy ở tỉnh An Giang có 329,8 ha theo mô hình: 1 vụ lúa + nuôi 1 vụ tôm, năng suất nuôi tôm đạt 1,12 tấn/vụ với đơn giá 86 triệu đồng/tấn tôm, giá trị sản phẩm tôm thu hoạch là 31,8 tỷ đồng/vụ và giá trị lúa thu được 2,9 tỷ đồng/vụ. Nếu tính hiệu quả trên 1 ha theo mô hình lúa + tôm trên 1 ha đạt 105,2 triệu đồng/năm. Nhưng tỉnh lại tính 2,9 tỷ đồng vào giá trị sản phẩm ngành trồng trọt và 31,8 tỷ đồng giá trị tôm tính vào giá trị sản phẩm thủy sản, trong khi đó diện tích đất lại tính vào diện tích lúa làm cho kết quả tính giá trị sản phẩm thu được trên cả 2 loại đất nông nghiệp và thủy sản đều sai.

- Trong khi tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở một số tỉnh, huyện còn xảy ra tình trạng tính trùng hoặc bỏ sót giá trị sản phẩm giữa các địa phương. Ví dụ: Qua kiểm tra báo cáo giá trị sản phẩm của thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện quận Tân Bình: diện tích đất nông nghiệp trồng cây hàng năm chỉ có 14 ha nhưng đạt giá trị sản phẩm 1,9 tỷ đồng, tính ra 137 triệu đồng/ha/năm; trong khi đó giá trị sản phẩm cây hàng năm của các quận, huyện khác và toàn thành phố chỉ đạt 13 triệu đồng/ha/năm. Nguyên nhân là do quận đã tính giá trị hoa của Công ty Phong lan tuy văn phòng đại diện đặt tại TPHCM nhưng diện tích trồng hoa xuất khẩu lại ở tỉnh Lâm Đồng. Ngược lại với trường hợp trên, 2 tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu lại bỏ sót không tính giá trị sản phẩm sản xuất cao su của 2 nông trường trồng cao su trực thuộc Công ty cao su Đồng Nai (hạch

toán phụ thuộc) nhưng lại nằm trên lãnh thổ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trên thực tế tỉnh Đồng Nai không tổng hợp báo cáo vì không sản xuất trên lãnh thổ của tỉnh, nhưng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng không tổng hợp vì đây là 2 đơn vị hạch toán phụ thuộc của tỉnh khác.

- Trong bảng phân ngành KTQD hiện hành những động vật lưỡng cư (ốc, ba ba, ếch) được quy định tính vào ngành chăn nuôi, theo kiến nghị của nhiều tỉnh là chưa hợp lý (trong đó bao gồm cả nuôi cá sấu), vì đây tuy là loại động vật lưỡng cư (vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn) nhưng môi trường sống chủ yếu lại là ở dưới nước và có giá trị cao, nếu theo quy định này thì giá trị sản phẩm thủy sản trên một ha ở nhiều tỉnh nuôi loại thủy đặc sản này nhiều bị giảm đi không đúng với thực tế.

- Một vấn đề khác được đặt ra khi tính giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích là có nên tính diện tích và giá trị sản phẩm giống cây trồng và giống thủy sản vào chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích hay không, trong thông tư đã ban hành quy định không rõ, trong khi đó một số cơ sở sản xuất giống hàng năm được giao diện tích đất canh tác và diện tích mặt nước nhất định để sản xuất và tạo ra giá trị sản phẩm hàng năm phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Trên thực tế hoàn toàn có cơ sở tính toán giá trị sản phẩm sản xuất giống trên 1 ha canh tác trong năm, nếu không tính là bỏ sót kết quả giá trị giống cây trồng và giống thủy sản sản xuất trên 1 ha nuôi trồng trong năm .

- Giá cả dùng để tính giá trị sản phẩm trồng trọt và thủy sản, giữa các địa phương do trong thông tư quy định chưa cụ thể nên còn tính theo nhiều cách khác nhau, không thống nhất. Ví dụ: có địa phương dùng giá theo điều tra của huyện; có tỉnh sử dụng đơn giá sản xuất bình quân chung của tỉnh qua hệ thống điều tra giá tiêu dùng CPI của Phòng Thương mại - Giá cả hoặc sử dụng giá bán sản phẩm trừ đi 3 - 5% chi phí lưu thông; một số tỉnh lại tổ chức điều tra đơn giá gắn với điều tra sản lượng sản phẩm thu hoạch, chi phí sản xuất và thu nhập trên 1 ha đất nông nghiệp và thủy sản trong năm (như: tỉnh

Tiền Giang, Thanh Hoá, Nghệ An,...). Trên thực tế trong sổ hàng hoá điều tra nông sản của hệ thống thống kê thương mại - giá cả có nhược điểm là thiếu phân tổ chi tiết về chủng loại, phẩm cấp và chất lượng từng loại nông sản, do đó kết quả tính ra còn chưa đầy đủ, chính xác.

- Nguồn số liệu về diện tích đất nông nghiệp và thuỷ sản để tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha đất các Cục Thống kê dựa vào số liệu thống kê đất tại thời điểm ngày 1 tháng 10 năm 2003 của Sở Tài nguyên - Môi trường. Thực tế kiểm tra cho thấy: có rất nhiều diện tích đất nông nghiệp bị bỏ hoang hoá không canh tác trong năm nhưng Cục Thống kê vẫn đưa vào tính toán không loại ra khỏi diện tích đất làm giảm giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác. Ví dụ: Tỉnh An Giang nếu tính theo số liệu địa chính có diện tích đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng thuỷ sản là 262986 ha (1/10/2003), nhưng sau khi rà soát lại đã loại trừ ra 767 ha mới khai hoang chưa sử dụng và 2530 ha của Công ty AFIEEX năm 2003 đã bỏ hoang hoá từ những năm trước; hoặc tỉnh Cà Mau đã bỏ sót tới 20000 ha diện tích nuôi thuỷ sản trên diện tích đất lâm phần. Trên thực tế, trong cách phân loại đất giữa ngành Địa chính và ngành thống kê còn một số loại chưa thống nhất như: ngành Địa chính vẫn xếp diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản trong đất nông nghiệp; diện tích đất trồng dâu nuôi tằm xếp vào đất trồng cây hàng năm, trong khi đó trong ngành Thống kê diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản là một ngành kinh tế cấp 1 riêng, diện tích đất trồng dâu nuôi tằm lại xếp vào đất trồng cây lâu năm khác. Nhược điểm khác là diện tích đất của ngành địa chính chỉ có những diện tích đất đo đạc trên đất liền thiếu diện tích bao chiếm trên biển, trên sông, hồ để nuôi thuỷ sản; diện tích nuôi trồng xen canh ngành Địa chính tính vào một loại đất và không tách bạch được diện tích trồng mới hay diện tích cây lâu năm đang trong thời kỳ XDCH hay cho thu hoạch sản phẩm. Thực tế hiện nay việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất diễn biến rất phức tạp: ngoài chuyển đổi theo quy hoạch, nhiều nơi còn chuyển đổi tự phát bất hợp pháp, do đó số liệu đất của ngành địa chính ở một số địa phương chưa thật phản ánh sát đúng diện tích từng loại đất hiện có hàng năm.

PHẦN II

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA FAO VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1. Khuyến nghị của Tổ chức lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) về tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Trong Hội nghị bàn về giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm của các quốc gia và dân tộc trên thế giới cho thế kỷ 21, FAO (Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên Hợp Quốc) đã khuyến nghị các nước về giới hạn của đất canh tác và xu thế đô thị hoá của các nước khiến cho diện tích đất canh tác của nhiều nước ngày càng bị thu hẹp, cần phải sử dụng hợp lý và có hiệu quả diện tích đất nông nghiệp. Tuy vậy, FAO cũng khuyến nghị các nước: phát triển nông nghiệp ở mỗi nước cũng không phải bằng mọi giá mà phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học trên cơ sở ứng dụng các biện pháp khoa học - công nghệ mới nâng cao độ phì của đất. Trong cuộc Hội thảo về công tác thống kê nông nghiệp họp tại Ấn Độ tháng 10 năm 2004, FAO khuyến nghị các nước, trong đó có khu vực châu Á - Thái Bình Dương không chỉ thống kê về số lượng, quy mô đất canh tác mà nên chú trọng tới những chỉ tiêu tổng hợp đánh giá chất lượng sử dụng đất một cách toàn diện; tùy theo điều kiện và khả năng thống kê của từng nước mà nghiên cứu vận dụng tính toán theo những chỉ tiêu thích hợp. Theo hệ thống chỉ tiêu của FAO chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất không phải chỉ là một chỉ tiêu mà được phân thành 3 nhóm chính sau đây:

- (1). Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích.
- (2). Lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích.

(3). Các chỉ tiêu phản ánh tác động của sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đến môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

Nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu như sau:

1. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích:

Nội dung của chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ kết quả thu được (tính bằng giá trị) trên 1 đơn vị diện tích của từng loại, nhóm cây trồng trên địa bàn từng địa phương, vùng hoặc cả nước trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

Phương pháp tính: căn cứ vào số liệu về năng suất bình quân của từng loại cây trồng và đơn giá sản xuất bình quân các sản phẩm đó của từng vùng, địa phương hoặc cả nước.

Công thức tính tổng quát như sau:

Giá trị sản phẩm của từng loại cây trồng thu được trên một đơn vị diện tích (vùng/cả nước)	=	Năng suất từng loại, nhóm cây trồng tính trên một đơn vị diện tích đất	x	Đơn giá bình quân của người sản xuất từng loại sản phẩm	+	Giá trị sản phẩm phụ thu được bình quân 1 đơn vị diện tích
---	---	--	---	--	---	---

2. Lợi nhuận của từng cây trồng trên 1 đơn vị diện tích trong năm:

Để tính được lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản FAO khuyến nghị các nước phải điều tra tính được giá trị sản phẩm (kể cả sản phẩm phụ) thu được và chi phí sản xuất (chi phí vật chất và công lao động) trên một đơn vị diện tích trong năm. Về nội dung chi phí sản xuất FAO nêu rõ khác với chi phí trung gian trong tính toán GDP, chi phí sản xuất đánh giá hiệu quả sử dụng đất bao gồm hai loại:

- *Chi phí thực tế của hộ bỏ ra, bao gồm:*
 - Thuê lao động, gia súc, máy móc thiết bị.

- Chi phí phát sinh để duy trì gia súc hay máy móc thuộc sở hữu của hộ.
- Những chi phí vật chất như: giống, phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh, thuỷ lợi phí,...
- Khấu hao các loại tài sản nhà xưởng, máy móc thiết bị.
- Thuế đất
- Tiền thuê đất
- Chi phí khác

- *Những khoản tính vào chi phí nhưng trên thực tế hộ không phải chi gồm:*

Giá trị công lao động, công quản lý của những thành viên trong hộ, tiền thuê đất (đất do hộ sở hữu), tiền lãi vốn tự có.

Cụ thể, nội dung của chi phí sản xuất cho một đơn vị diện tích bao gồm:

Các khoản chi phí vật chất:

- Giống
- Phân bón:
Chia ra: + Phân chuồng
 + Phân hoá học
- Thuốc phòng trừ sâu bệnh, thuốc diệt cỏ
- Thuỷ lợi
- Điện
- Nhiên liệu (xăng, dầu,...)
- Khấu hao tài sản cố định
- Chi dụng cụ nhỏ
- Tiền thuê đất và thuê máy móc, thiết bị
- Thuế
- Lãi tiền vay
- Lãi vốn tự có
- Chi khác

Chi công lao động:

- Công lao động thuê ngoài
- Công lao động tự làm của hộ

Đơn giá các loại chi phí là giá mà người sản xuất thực tế phải chi.

Ở những nước có trình độ kinh tế phát triển, bằng việc sử dụng giống mới, áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ cao như: Mỹ, Nhật Bản, Hà Lan, Israel, Đài Loan,... năng suất đất đai đã đạt được giá trị và lợi nhuận rất cao thu được hàng chục nghìn đô la Mỹ (tương đương hàng trăm triệu VNĐ), thậm chí hàng trăm nghìn USD trên 1 ha đất mỗi năm. Vừa qua ở nước ta Trung tâm Kỹ thuật Rau quả Hà Nội tại xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm đã nhập dây chuyên công nghệ cao trồng rau và hoa của Israel với tổng số vốn đầu tư 24 tỷ đồng. Đây là khu vực sản xuất rau quả kỹ thuật cao đầu tiên ở nước ta với hệ thống máy móc tự động hiện đại: máy cảm biến tự điều chỉnh nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, nhu cầu dinh dưỡng và trồng trên giá thể (hộp chất hữu cơ) trong nhà kính trên diện tích 5500 m² trồng cà chua, dưa chuột và ớt ngọt và chỉ cần 8 lao động. Chu kỳ thu hoạch dưa chuột ở đây chỉ trong 21 ngày (bình thường là 3 tháng), NS trung bình 200-250 tấn/ha gấp 10-15 lần trên đồng ruộng hiện nay, giá bán thực tế là 10000 đồng/kg đạt doanh thu từ 2 đến 2,5 tỷ đồng/năm/ha. Trên diện tích 2000 m² trồng hoa hồng; đạt năng suất 250 – 300 bông/m² (trồng bình thường chỉ 20 - 30 bông/m²). Trung tâm sản xuất nông sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tuyệt đối, chất lượng cao đã mở ra hướng mới nâng cao giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá nước ta trên thị trường trong nước và quốc tế.

3. Các chỉ tiêu phản ánh tác động của sản xuất nông nghiệp và thủy sản đến môi trường:

FAO đưa ra 4 nhóm chỉ tiêu:

(1). Mức độ sử dụng đất (thay đổi về mục đích sử dụng đất, quay vòng đất, thay đổi về điều kiện đất đai)

(2). Nguồn nước (Diện tích bị thiếu nguồn nước và mức suy giảm nguồn nước dưới lòng đất)

(3). Mức sử dụng phân bón cho sản xuất nông nghiệp, thức ăn cho thủy sản

(4). Mức sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh, thuốc diệt cỏ

Chúng tôi sẽ đi sâu phân tích về những chỉ tiêu (1), (2) trong những chuyên đề khác thích hợp, chuyên đề này đi sâu vào nhóm chỉ tiêu (3) và (4):

Các chỉ tiêu về sử dụng phân bón:

a. Sự thay đổi theo thời gian về thành phần của chất hoá học, các chất dinh dưỡng tổng hợp (đạm, lân, kali) và dinh dưỡng vi sinh.

b. Thay đổi theo thời gian về:

+ Lượng dinh dưỡng cung cấp cho 1 ha đất nông nghiệp, xu hướng giữa lượng cung cấp thực tế và định mức dùng theo khuyến nghị.

+ Lượng dinh dưỡng cung cấp cho 1 ha đất nông nghiệp, xu hướng giữa lượng cung cấp thực tế và định mức dùng theo khuyến nghị được chi tiết theo 3 yếu tố là Nitrogen (N), Phosphorous (P_2O_5) và Potassium (K_2O), theo các yếu tố: Phân hoá học, phân chuồng, phân xanh,...

Mức độ cân bằng về dinh dưỡng giữa lượng lượng cung cấp và lượng bị mất đi (hiện chỉ một số nước phát triển đang làm).

Các chỉ tiêu về sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh: hiện nay để tăng năng suất cây trồng thì ngoài việc nghiên cứu áp dụng các giống mới có năng suất cao và sử dụng nhiều loại phân hoá học thì các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh, diệt cỏ cũng được sử dụng khá rộng rãi. Việc sử dụng các loại thuốc này với liều lượng cao sẽ gây ra những hậu quả về mặt môi trường, nó sẽ phá vỡ hệ sinh thái vì sẽ diệt cả những loài không gây hại, tạo ra sức đề kháng cao cho các loại gây hại, đồng thời các chất độc hại sẽ lưu lại trong môi trường và lương thực, thực phẩm, gây ô nhiễm nguồn nước và sức khoẻ cộng đồng.

Chỉ tiêu cụ thể: Lượng thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng trên 1 ha, phân tổ theo từng loại sử dụng và mức độ độc hại.

Qua những khuyến nghị của FAO chúng ta có thể rút ra một số vấn đề sau:

- Để đánh giá đầy đủ hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản cần một hệ thống chỉ tiêu: từ các chỉ tiêu kết quả (giá trị sản phẩm), hiệu quả (lợi nhuận) trực tiếp thu được trên đơn vị diện tích đất đến các chỉ tiêu phản ánh tác động của sản xuất nông nghiệp, thủy sản đến môi trường trong quá trình sử dụng đất như: sử dụng trong giới hạn cho phép các loại phân hoá học, thuốc trừ sâu và các chất hoá học khác, mức độ cân bằng về dinh dưỡng giữa lượng cung cấp và lượng bị mất đi,... Trong nền kinh tế thị trường trong 2 nhóm chỉ tiêu 1 và 2, FAO đặc biệt nhấn mạnh đến chỉ tiêu lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích vì đây là mục tiêu tối thượng và đích thực của người sản xuất trong nền kinh tế thị trường; nhưng đồng thời FAO cũng nhấn mạnh đến phát triển nông nghiệp một cách bền vững không chỉ thấy lợi ích cục bộ, trước mắt. Tuy vậy FAO cũng nhấn mạnh tùy theo khả năng, điều kiện thống kê cụ thể của từng nước, trong từng giai đoạn cần có cách vận dụng tính toán hệ thống chỉ tiêu này cho phù hợp.

- Về mặt nghiệp vụ tính toán: để có hệ thống chỉ tiêu đầy đủ FAO nêu lên điều tra chi phí sản xuất có thể theo nhiều phạm vi như điều tra theo chi phí thực tế đã chi trong năm hoặc điều tra cả những khoản tính vào chi phí nhưng trên thực tế hộ không phải chi. Về thời gian ở nhiều nước năm nông nghiệp không trùng khớp với năm dương lịch, FAO cho rằng nên điều chỉnh, tính toán số liệu về năm dương lịch để dễ so sánh giữa các nước và tạo thuận lợi cho công tác phân tích kết quả, hơn nữa kết quả của các ngành khác đều đánh giá theo năm dương lịch. Theo FAO, nên tính toàn bộ kết quả sản xuất vào năm dương lịch mà những cây/vụ có sản phẩm thu hoạch đại trà cho dù một phần diện tích được thu hoạch vào năm khác. Năng suất/sản lượng cây trồng theo FAO để đánh giá đúng hiệu quả sử dụng đất thì nên tính theo năng suất/sản lượng tại gốc vì các hao hụt, mất mát sau thu hoạch không phải do năng suất bản thân đất đai mà còn liên quan đến các yếu tố khác. Giá trị sản

phẩm phụ: chỉ tính những sản phẩm phụ hữu ích và thực tế có thu hoặc sử dụng. Phạm vi tính sản phẩm phụ bao gồm sản phẩm phụ cùng thu hoạch với sản phẩm chính và cả sản phẩm của những cây trồng kết hợp thu hoạch trên cùng một diện tích (được coi là sản phẩm phụ). Thực tế nhiều nước cho thấy giá trị sản phẩm phụ thường có mối quan hệ khá chặt chẽ với sản phẩm chính nên tổ chức điều tra riêng cho từng vùng để có hệ số tính giữa sản phẩm chính và sản phẩm phụ cho từng loại cây; có thể sử dụng kết quả điều tra của một năm để tính toán cho một số năm sau đó.

- Nguồn số liệu: FAO khuyến nghị bên cạnh nguồn số liệu điều tra trực tiếp từ các cơ sở sản xuất, còn có thể thu thập gián tiếp thông qua các nguồn số liệu khác như: nguồn tiêu dùng của hộ, mua bán trao đổi sản phẩm trong và ngoài nước, lượng nguyên liệu dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm, hồ sơ hành chính của các hiệp hội, Bộ ngành liên quan.

2. Kinh nghiệm của một số nước về tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất

2.1. Nhật Bản:

Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trên một hecta ở Nhật Bản thường thông qua cuộc điều tra năng suất, sản lượng và đơn giá sản phẩm kết hợp với điều tra chi phí sản xuất sản phẩm nông nghiệp. Cuộc điều tra loại này được tiến hành lần đầu tiên ở Nhật vào năm 1921, trước tiên là đối với cây lúa, sau đó mở rộng sang lúa mì, lúa mạch, rau và cây ăn quả do cơ quan của Chính phủ và các Hiệp hội nông nghiệp tiến hành. Đến năm 1949, toàn bộ các cuộc điều tra mẫu về giá trị sản phẩm và chi phí sản xuất sản phẩm nông nghiệp được mở rộng sang nhiều cây trồng khác (kể cả sản phẩm chăn nuôi) và theo một phương án thống nhất do Vụ Thống kê và Thông tin (thuộc Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản) tiến hành hàng năm. Nội dung điều tra là xác định tổng thu, chi phí sản xuất, lợi nhuận cả năm cho 1 ha của cây trồng như: lúa hoặc từng nhóm cây trồng như: mì, mạch; rau đậu; cây công nghiệp; cây ăn quả và cây khác. Mẫu điều tra được chọn cho từng cây/nhóm cây và tính toán suy rộng cho cấp tỉnh, vùng và cả

nước. Dàn chọn mẫu là danh sách các hộ từ kết quả Tổng điều tra nông nghiệp theo định kỳ 5 năm một lần bao gồm một số thông tin chủ yếu về diện tích đất và các loại cây trồng của hộ.

Nội dung điều tra:

(1). Diện tích, sản lượng, đơn giá và giá trị sản phẩm chính và sản phẩm phụ thu được của từng loại cây trồng trên 1 ha.

(2). Các loại chi phí sản xuất phát sinh theo các yếu tố chi phí (phân tổ rất chi tiết).

(3) Lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích.

Các yếu tố chi phí sản xuất phát sinh được điều tra như sau:

(a). Chi phí vật chất:

- Giống (tổng số và chia ra: tự sản xuất, mua ngoài) chia theo từng loại cụ thể đã sử dụng;

- Phân bón (phân vi sinh, phân hóa học, chia ra mua ngoài, tự sản xuất).

- Năng lượng (điện, than, ...);

- Các loại chi phí vật chất khác.

(b). Các chi phí về:

- Cày bừa và thủy lợi

- Thuê máy móc

- Thuế

- Khấu hao TSCĐ (nhà xưởng, máy móc thiết bị,...)

- Chi phí quản lý

- Chi phí lao động (tổng số, chia ra lao động thuê ngoài, lao động của hộ)

(c). Một số chi phí khác bao gồm:

- Lãi tiền vay

- Thuê đất

(d). Một số chi phí đặc biệt:

- Lãi vốn tự có

- Giá trị đất sở hữu cho thuê.

Dựa vào các thông tin trên, Nhật Bản đã tính toán chi phí sản xuất theo 3 phạm vi khác nhau:

- Chi phí sản xuất chỉ bao gồm mục a và mục b.
- Chi phí sản xuất (có tính đến trả lãi tiền vay và thuê đất), bao gồm mục a, b và mục c.
- Chi phí sản xuất (có tính đến lãi vốn tự có và trị giá đất sở hữu cho thuê), bao gồm cả 4 mục: a, b, c và d.

2.2 Indonesia:

Để đánh giá hiệu quả sử dụng đất đai, Indonesia tổ chức điều tra:

(1) Điều tra kết quả sản xuất và chi phí trên một ha đất cho từng loại cây hàng năm bao gồm: cây lúa và một số cây trồng khác.

(2) Điều tra kết quả sản xuất và chi phí trên 1 ha cây lâu năm.

(3) Điều tra kết quả sản xuất và chi phí trên 1 ha nuôi trồng thủy sản.

Dưới đây là những nội dung cụ thể của điều tra kết quả sản xuất và chi phí trên 1 ha cây lúa và một số cây hàng năm:

Mục đích điều tra:

Thu thập thông tin về tổng thu và chi phí sản xuất trên một ha của cây lúa và một số cây trồng khác (ngô, sắn, khoai lang, đậu tương và lạc) làm cơ sở cho việc tính toán lợi nhuận thu được của hộ nông dân trên 1 ha từ mỗi loại cây trồng.

Phạm vi điều tra:

Điều tra khu vực nông thôn trên phạm vi cả nước Indonesia. Cuộc điều tra được tổ chức lần đầu vào năm 1970. Thời kỳ 1970 - 1995 cuộc điều tra được thực hiện hàng năm, nhưng từ năm 1996 đến nay do khó khăn về kinh phí nên được tổ chức 3 năm một lần .

Qui mô mẫu từ 20000 đến 30000 hộ.

Phương pháp chọn mẫu:

Hộ điều tra được chọn riêng cho từng vùng. Cách chọn mẫu có khác nhau giữa các vùng trọng điểm và các vùng khác, cụ thể như sau:

(1). Phương pháp chọn mẫu áp dụng đối với các tỉnh trọng điểm:

Số lượng địa bàn điều tra của từng vùng do Cơ quan Thống kê Trung ương quyết định (CBS), còn Cơ quan Thống kê Vùng sẽ chọn hộ mẫu trong từng địa bàn và loại cây trồng. Việc chọn mẫu căn cứ vào số liệu diện tích lúa và các cây trồng khác từ cuộc điều tra trước.

Việc chọn mẫu được tiến hành theo ba bước:

- + Bước một: Chọn xã điều tra theo phương pháp chọn mẫu hệ thống.
- + Bước hai: Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để chọn một thôn.
- + Bước ba: chọn hộ điều tra từ thôn được chọn theo phương pháp chọn mẫu máy móc theo khoảng cách chọn cố định.

(2). Phương pháp chọn mẫu đối với các tỉnh khác:

Nếu có điều kiện, các tỉnh này có thể áp dụng cách chọn mẫu như các tỉnh trọng điểm.

Nếu không có điều kiện thì có thể chọn mẫu theo các bước sau:

- Căn cứ vào diện tích lúa và các cây trồng khác, CBS quyết định qui mô mẫu cho từng tỉnh.
- Căn cứ vào số mẫu phân bố của CBS, Cơ quan Thống kê Vùng thực hiện việc chọn mẫu có chủ định theo phương pháp chuyên gia.
- Cơ quan Thống kê Vùng xác định số mẫu của từng địa bàn điều tra cho từng loại cây trồng dựa vào bảng kê các hộ.

Nội dung điều tra:

Nội dung điều tra được thường xuyên cải tiến và hoàn thiện. Ví dụ trước kia, chỉ hỏi hộ về lao động thuê ngoài, hiện nay đã bổ sung công lao động của hộ tự làm.

Nội dung của cuộc điều tra này bao gồm những chỉ tiêu cụ thể về kết quả sản xuất và chi phí được thể hiện trong nội dung các bảng hỏi sau đây (xem phụ lục kèm theo).

Từ những thông tin về kết quả sản xuất và tổng chi phí sẽ tính ra lợi nhuận thu được trên 1 ha đất của từng loại cây trồng.

2.3. Nê Pan:

Nê Pan bắt đầu tổ chức điều tra để thu thập thông tin về doanh thu, chi phí sản xuất và lợi nhuận trên một hecta đất từ năm 1973. Đầu tiên chỉ điều tra một vài cây trồng chính, đến nay cuộc điều tra này đã bao gồm 15 cây trồng chính tính theo từng vùng có những điều kiện sinh trưởng khác nhau. Căn cứ vào qui mô diện tích từng loại cây mà quyết định số huyện cần điều tra. Ví dụ: Đối với cây lúa điều tra 21 trong tổng số 75 huyện. Cây ngô điều tra 8/12 huyện tùy theo từng năm. Cây mì mạch: 15 huyện. Số huyện điều tra sẽ được phân bổ theo tỷ lệ diện tích từng loại cây trồng của từng vùng.

Nội dung điều tra cũng tương tự như Indonesia bao gồm: Khối lượng và giá trị sản phẩm chính và sản phẩm phụ thu được trên một đơn vị diện tích; số lượng, đơn giá thực tế, giá trị các loại chi phí vật chất, công lao động, các loại thuế, lãi tiền vay, khấu hao... Sau khi điều tra tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu sau để phản ánh hiệu quả sử dụng đất của từng loại cây trồng:

- Tổng giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha
- Tổng chi phí cho 1 ha

- Lợi nhuận thu được trên 1 ha
- Lợi nhuận bình quân 1 tạ sản phẩm
- Thu nhập bình quân 1 ngày lao động

Để thu thập các thông tin trên, Népan sử dụng 3 loại phiếu điều tra (xem phụ lục kèm theo).

2.4. Philippine

Philippine đã tổ chức điều tra kết quả sản xuất và chi phí cho 1 ha đất từ những năm 1970. Hiện nay do kinh phí hạn hẹp nên cuộc điều tra này được tiến hành không thường xuyên. Về phạm vi điều tra: chỉ điều tra ở một số tỉnh với tổng số 160 hộ mẫu. Kết quả được tính cho cả nước và các tỉnh đại diện. Nội dung điều tra chủ yếu tập trung vào tổng thu, chi phí (lượng và giá trị) và lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích. Các nội dung về điều tra chi phí cũng tương tự như Indonesia.

Từ những kinh nghiệm của Nhật Bản, Indonesia, , Né Pan, Philippine về thu thập, tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất, có thể rút ra được những nhận xét sau:

- Các nước đều tổ chức thu thập các thông tin để đánh giá một cách đầy đủ hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản trong năm. Nội dung điều tra cả 4 nước là thu thập sản lượng, đơn giá, giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất, lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích của từng nhóm, loại cây trồng trong năm. Sự khác nhau cơ bản giữa Nhật Bản và 3 nước còn lại là về phạm vi, nội dung, số lượng chỉ tiêu và mức độ phân tổ chi tiết. Nhật Bản là một nước phát triển cao nên nội dung điều tra phân tổ rất chi tiết như: riêng phân hoá học được chia ra 4 nhóm chính: Nhóm có chứa Nitơ (bao gồm 4 loại khác nhau), Nhóm có chứa Phốt pho (bao gồm 4 loại chi tiết), Nhóm có chứa Kali (chia ra Kali Clorua và Kali Sunfat) và nhóm phân tổng hợp (chia ra 2

loại khác nhau). Chi phí thuốc phòng trừ sâu bệnh và các loại chất hoá học khác bao gồm: thuốc trừ sâu (chia ra 16 loại khác nhau), thuốc diệt nấm (chia ra 11 loại), thuốc trừ sâu và diệt nấm hỗn hợp (chia ra 3 loại), thuốc diệt cỏ (chia ra 7 loại) và các loại chất hoá học khác.

Trên thực tế chỉ có điều tra thống kê phân tổ chi tiết như Nhật Bản mới có cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng đất và nêu lên được những cảnh báo về bảo vệ môi trường sinh thái do quá trình sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản gây ra. Trong khi 3 nước còn lại tập trung vào điều tra những cây, con chủ yếu, mức độ phân tổ đơn giản hơn nhiều.

- Về cơ bản nội dung điều tra yếu tố chi phí sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thuỷ sản: Nhật Bản không chỉ điều tra chi phí thực tế đã chi ra như Indonesia, Philippine, Nê Pan mà còn tính toán chi phí sản xuất và lợi nhuận thu được theo 3 phạm vi khác nhau để có thể sử dụng, so sánh, phân tích theo nhiều mục đích nghiên cứu. Điều này giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng đất một cách đầy đủ, sâu sắc hơn giữa các địa phương, đơn vị và so sánh quốc tế trong nền kinh tế thị trường.

- Các nước trong thời gian đầu thường điều tra đánh giá hiệu quả sử dụng đất cho một số cây trồng chính, sau đó mở rộng dần ra nhiều loại cây khác, nhưng chưa thấy nước nào tính hiệu quả cho đất trồng cây lâm nghiệp. Cuộc điều tra loại này được tiến hành lần đầu tiên ở Nhật đối với cây lúa vào năm 1921, sau đó mở rộng sang nhiều cây trồng khác (kể cả sản phẩm chăn nuôi) và theo một phương án thống nhất hàng năm. Các nước khác do điều kiện khó khăn về kinh phí số lượng cây trồng và địa bàn điều tra ít hơn, thậm chí Indonesia từ năm 1996 đến nay tổ chức điều tra 3 năm một lần. Về phương pháp thu thập số liệu: phần lớn các nước tổ chức điều tra, một số nước đã sử dụng sổ nhật ký để chủ hộ có thể thường xuyên tự ghi chép kết quả sản xuất và chi phí sản xuất của hộ trong năm.

PHẦN III

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ HOÀN THIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ DIỆN TÍCH ĐẤT TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở NƯỚC TA

1. Bổ sung hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản áp dụng cho công tác thống kê nông nghiệp và thủy sản giai đoạn (2005 - 2010).

Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất của tổ chức FAO và kinh nghiệm thống kê của Nhật Bản, Indonesia, Nê Pan, Philippine trong lĩnh vực này, có thể thấy các nước đã thống kê tương đối đầy đủ cả 3 nhóm chỉ tiêu theo khuyến nghị của FAO với mức độ thống kê và phân tổ chi tiết khác nhau tùy theo trình độ và khả năng kinh phí thống kê mỗi nước. Ở nước ta công tác thống kê diện tích đất từ nhiều năm qua mới chỉ phản ánh được quy mô diện tích từng loại đất và năng suất cây trồng trong từng vụ thu hoạch mà chưa chú trọng thu thập và tính toán các chỉ tiêu tổng hợp giá trị sản phẩm, lợi nhuận và tác động của sản xuất nông, thủy sản đến môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Điều này thể hiện sự tụt hậu trong công tác thống kê sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta trong xu thế hội nhập và mở cửa so với trình độ thống kê của các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên để thực hiện ngay hệ thống 3 nhóm chỉ tiêu thống kê của nước ngoài nêu trên trong điều kiện còn nhiều hạn chế cả về kinh phí và nghiệp vụ như nước ta hiện nay là chưa có điều kiện. Vì vậy, theo chúng tôi cần chọn lựa trong 3 nhóm chỉ tiêu FAO đã khuyến cáo và vận dụng quy định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đó ra sao cho sát hợp với điều kiện thực tiễn nước ta trong giai đoạn từ nay đến năm 2010.

Để lựa chọn được chỉ tiêu thống kê hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản, cũng như đề ra nội dung, phương pháp tính thích hợp theo chúng tôi cần dựa vào các nguyên tắc sau:

- Lựa chọn chỉ tiêu nào cũng như quy định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu ra sao trước hết phải dựa vào cơ sở lý luận và phương pháp luận thống kê về diện tích đất và năng suất đất đai cũng như khuyến cáo của FAO và kinh nghiệm thống kê của các nước đã làm, đảm bảo nguyên tắc so sánh trong nước và quốc tế.

- Đáp ứng yêu cầu thực tiễn của phong trào thi đua phấn đấu đạt và vượt giá trị sản phẩm 50 triệu đồng/ha/năm ở các địa phương cũng như khả năng kinh phí, nghiệp vụ, tổ chức và chỉ đạo của ngành thống kê các cấp hiện nay.

Căn cứ vào các nguyên tắc trên, chúng tôi cho rằng trong giai đoạn từ năm 2005 - 2010 trong điều kiện và khả năng thực tế của nước ta chỉ nên lựa chọn chỉ tiêu *giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản* để đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất ở nước ta. Bởi vì, theo kinh nghiệm của FAO thì chỉ tiêu này có nội dung tính toán đơn giản phù hợp với nhiều nước và mang tính khả thi với những nước còn nhiều khó khăn trong công tác thống kê như điều kiện nước ta. Mặt khác, nguồn số liệu để tính toán chỉ tiêu này trong điều kiện thiếu kinh phí điều tra có thể khai thác số liệu từ các cuộc điều tra và báo cáo khác (như: số liệu điều tra diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng; số liệu điều tra thủy sản; báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản; số liệu thống kê và kiểm kê đất của ngành Địa chính, vv...). Việc quy định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu thì nhất thiết phải dựa vào lý luận và phương pháp luận thống kê về diện tích đất và năng suất đất đai cũng như khuyến cáo của FAO và kinh nghiệm thống kê của các nước đã làm và phải đảm bảo nguyên tắc cơ bản “thống nhất về phạm vi, nội dung tính giữa giá trị sản phẩm thu được với diện tích đất sản xuất trong một năm”. Với những phân tích trên chúng tôi cho rằng Thông tư số: 94/TCTK-NLTS của Tổng cục Thống kê ngày 25-02-2004 lựa chọn chỉ tiêu *giá trị sản phẩm trên một hecta đất nông nghiệp và thủy sản* là phù hợp với khả năng kinh phí, trình độ thống kê thực tế hiện nay ở nước ta.

Tuy nhiên, để hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một hecta đất nông nghiệp và thủy sản theo chúng tôi cần khắc

phục những nhược điểm, hạn chế đã nêu ở mục I.4. Trên cơ sở đánh giá thực trạng thu thập, tính toán chỉ tiêu này ở các Cục Thống kê thời gian vừa qua và tham khảo kinh nghiệm của FAO và một số nước, Ban chủ nhiệm đề tài kiến nghị các định hướng giải quyết như sau:

1.1 Bổ sung hoàn thiện một số quy định chưa phù hợp trong thông tư số: 94/TCTK-NLTS của Tổng cục Thống kê

Bao gồm các vấn đề sau:

- Mặc dù trong thông tư đã nêu lên khá cụ thể về nội dung và phương pháp tính và công thức tính các yếu tố cấu thành giá trị sản phẩm và diện tích đất nông nghiệp và thủy sản. Nhưng phần lớn các Cục Thống kê khi thu thập và tính toán chỉ tiêu này năm 2003 vẫn nhầm lẫn lấy chỉ tiêu giá trị sản xuất trồng trọt và thủy sản trừ đi giá trị dịch vụ làm tử số công thức tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất. Sở dĩ có tình trạng trên là do trong Thông tư 94 (mục 3 trang 5) có nêu: *“Giá trị sản phẩm trồng trọt, giá trị sản phẩm thủy sản nuôi trồng theo giá thực tế lấy từ báo cáo chính thức giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản”*, quy định này sai và không nhất quán với nguyên tắc phải đảm bảo tính đồng nhất giữa sản phẩm sản xuất ra với diện tích đất canh tác (mục 2.3 trang 2) của Thông tư. Theo chúng tôi trong hướng hoàn thiện cần bổ sung phân biệt rõ sự khác nhau cơ bản giữa 2 chỉ tiêu: giá trị sản xuất và giá trị sản phẩm về nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nhất là trong điều kiện sản xuất nuôi trồng kết hợp nhiều loại sản phẩm trên cùng một đơn vị diện tích đất mà chúng tôi đã nêu ở mục I.4.

Để khắc phục tình trạng này, cần thu thập tính toán riêng cho loại đất xen canh và quy định một cách cụ thể đối với một số mô hình nuôi trồng kết hợp, những quy định đó là:

+ Nếu trên diện tích lúa, trồng cây hàng năm khác hoặc cây lâu năm có thả xen canh nuôi cá để tăng thu nhập nhưng chỉ là thu thêm với giá trị nhỏ hơn cây lúa thì giá trị sản lượng nuôi cá phải tính là giá trị sản phẩm phụ của ngành trồng trọt; hoặc việc trồng thêm một số cây ăn quả trên bờ ao nuôi thủy

sản nhằm thu thêm lợi nhuận thì giá trị sản phẩm cây ăn quả tính vào giá trị sản phẩm phụ của ngành thủy sản.

+ Nếu trên cùng một diện tích đất trong năm 1 vụ trồng trọt, 1 vụ nuôi thủy sản thì việc tính giá trị sản phẩm thu hoạch trên thửa đất đó cho ngành nào phải dựa trên nguyên tắc: *trên cùng một diện tích đất nuôi trồng thu hoạch nhiều loại sản phẩm thì giá trị sản phẩm thu hoạch cây, con nào lớn hơn được coi là ngành chính thì sản phẩm thu hoạch các loại sản phẩm khác có giá trị nhỏ hơn được coi là sản phẩm phụ của ngành đó.*

- Đối với giá trị sản phẩm là giống cây trồng, giống thủy sản, trường hợp này trong thông tư không quy định tính nhưng hàng năm vẫn tính vào giá trị sản xuất nông nghiệp và giá trị sản xuất ngành thủy sản. Theo chúng tôi trong trường hợp này chỉ nên tính giá trị sản phẩm giống thu được trên những diện tích chuyên sản xuất giống cây, con (thuộc đất nông nghiệp và thuộc diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản), không tính giá trị giống cây trồng, giống thủy sản nuôi bằng các bể, bồn, bằng nhựa, kim loại hoặc những vật liệu khác hoặc trên giá thể không sử dụng tới đất canh tác.

- Để giải quyết tình trạng tính trùng hoặc bỏ sót sản phẩm giữa các địa phương như chúng tôi đã nêu ở phần trên, trong thông tư cần bổ sung những qui định cụ thể về thống kê theo lãnh thổ dựa trên nguyên tắc: *giá trị sản phẩm sản xuất tại địa phương nào thì địa phương đó phải thu thập và báo cáo dù Văn phòng Công ty hoặc chủ doanh nghiệp, chủ trang trại ở một địa phương khác.*

- Về đơn giá để tính giá trị sản phẩm trồng trọt và thủy sản: Theo chúng tôi nhìn chung rõ hàng hoá trong điều tra giá tiêu dùng CPI của Phòng Thương mại - Giá cả thường thiếu nhiều loại sản phẩm mới hoặc phân tổ không chi tiết phẩm cấp sản phẩm từng loại, để đảm bảo mức độ chính xác của giá trị sản phẩm có thể tổ chức điều tra bổ sung chi tiết thêm những sản phẩm, phẩm cấp sản phẩm còn thiếu ở địa phương.

- Về nguồn số liệu diện tích đất để tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp và thủy sản đang tồn tại nhiều nhược điểm chúng tôi đã nêu ở phần I.4. Theo chúng tôi trong thông tư cần quy định rõ ngành thống kê cấp huyện, thị trước khi tính toán chỉ tiêu này phải tiến hành thẩm định, xác minh trên thực tế để loại trừ những diện tích đất bỏ hoang hoá, không sử dụng trong năm (kể cả diện tích cây lâu năm trồng mới hoặc đang trong thời kỳ XDCB chưa cho sản phẩm). Cùng với việc loại bỏ những diện tích đất không sử dụng thì đồng thời phải cộng thêm những diện tích ngành địa chính không có như: diện tích khoanh vùng, đăng quang bao chiếm nuôi thủy sản ở trên sông, trên biển, trên hồ đập thủy lợi; diện tích vườn tạp canh tác trên đất thổ cư mà ngành Địa chính không đo đạc. Đồng thời phải chỉnh lý, thống nhất phân loại đất giữa ngành Thống kê với ngành Địa chính khi tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở mỗi địa phương.

1.2 Bổ sung hoàn thiện văn bản pháp lý về phân ngành kinh tế trong 2 ngành nông nghiệp và thủy sản

Hiện nay, trong ngành thủy sản quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất đang diễn ra rất nhanh, nuôi thủy đặc sản như: ba ba, ếch, cá sấu đang phát triển mạnh ở các tỉnh, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha của các loại thủy đặc sản này là rất lớn. Theo quy định trong bảng phân ngành kinh tế quốc dân ở nước ta ban hành theo Nghị định số 75 - CP của Chính phủ ngày 27 - 10 - 1993 lại quy định một số động vật lưỡng cư (ếch, ba ba, ốc,...) thuộc ngành chăn nuôi mặc dù những động vật này môi trường chủ yếu là sống ở dưới nước, đã làm hạ thấp giá trị sản phẩm của ngành thủy sản ở một số địa phương. Trước yêu cầu của các địa phương có nuôi những loại thủy đặc sản này, theo nghiên cứu của chúng tôi trong tài liệu của FAO và trong bảng phân ngành ISIC mới đây của Liên Hợp Quốc thì những động vật lưỡng cư này đã được quy định xếp vào ngành thủy sản. Vì vậy, để tính đúng giá trị sản phẩm của ngành thủy sản trên 1 ha nuôi trồng, chúng tôi cho rằng trong bảng phân ngành kinh tế quốc dân tới đây cần sớm quy định sửa lại xếp những loại động vật này vào ngành thủy sản (kể cả

nuôi cá sấu) để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất thủy sản, nâng cao giá trị sản phẩm trong hoạt động nuôi trồng thủy sản của các tỉnh hiện nay.

1.3 Bổ sung những thông tin phục vụ tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản trong các cuộc điều tra liên quan

Nguồn số liệu để tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản năm 2003 của các tỉnh chủ yếu được khai thác từ các cuộc điều tra trong và ngoài ngành thống kê năm 2003. Để có đủ nguồn số liệu phục vụ việc tính toán chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản, theo chúng tôi cần bổ sung một số chỉ tiêu, cách phân tổ chi tiết trong một số cuộc điều tra sau đây:

- Cuộc điều tra diện tích, năng suất và sản lượng các loại cây nông nghiệp năm (cây hàng năm và cây lâu năm), ngoài thông tin về diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng từng vụ, cần thu thập tách bạch diện tích đất và sản phẩm trong năm trồng xen canh giữa trồng trọt với nuôi trồng thủy sản (lúa+cá; lúa+tôm,...). Trong phiếu điều tra cần bổ sung các loại cây khác ngoài lúa, điều tra viên có trách nhiệm phỏng vấn và ghi chép thêm phần diện tích và sản lượng các cây trồng khác của hộ, kể cả nuôi trồng trên đất xen canh.

- Cuộc điều tra thủy sản: Ngoài điều tra sản lượng thủy sản cần tách bạch sản lượng và giá trị thủy sản thu hoạch trên đất lúa (1 vụ lúa + 1 vụ nuôi cá, tôm,...), tách riêng diện tích và sản lượng thu hoạch thủy sản nuôi thủy sản trên đất trồng cây lâu năm (lên liếp) nhằm đáp ứng nhu cầu tính toán mô hình xen canh giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản.

- Trong điều tra tính toán giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản cần tách riêng giá trị sản xuất giống cây trồng, giống thủy sản trên diện tích đất nông nghiệp và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản giống trong giá trị dịch

vụ trồng trọt và dịch vụ thủy sản hàng năm, loại trừ giá trị giống thủy sản nuôi bằng các bể, bồn nhựa, kim loại hoặc VLXD khác, trên giá thể, ...

- Số liệu diện tích đất của ngành Địa chính (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, diện tích nuôi trồng thủy sản) cần kết hợp với cuộc điều tra diện tích, năng suất cuối năm thẩm định loại trừ những diện tích đất không sử dụng trong năm, diện tích trồng mới, chăm sóc cây lâu năm chưa cho thu hoạch sản phẩm, diện tích đất trồng trên đất thổ cư, trên diện tích vườn tạp của hộ,...

- Khai thác đơn giá nông sản, thủy sản từ cuộc điều tra giá tiêu dùng CPI của Phòng Thương mại - Giá cả, đơn giá thực tế từ báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản hàng năm, đồng thời tiến hành điều tra bổ sung những sản phẩm mới, sản phẩm còn thiếu mà không có cơ sở tính từ các sản phẩm tương đương.

1.4 Hoàn thiện biểu mẫu báo cáo về chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản

Cùng với việc bổ sung hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản cần hoàn thiện lại báo cáo số 22/NN TS - T: “Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích” theo Quyết định số: 657 /2002/QĐ - TCTK của Tổng cục trưởng TCTK ngày 02 tháng 10 năm 2002 như sau: bỏ bớt những nội dung không liên quan đến phạm vi tính toán chỉ tiêu như: bỏ phần IV (Nuôi thủy sản lồng bè), đồng thời bỏ phần phân tổ chỉ tiêu báo cáo đến huyện, nhằm giảm bớt khối lượng báo cáo cho tỉnh. Mặt khác, cần bổ sung chi tiết hơn giá trị sản phẩm cây hàng năm, giá trị sản phẩm cây lâu năm, giá trị sản phẩm thủy sản, giá trị sản phẩm theo mô hình nuôi trồng kết hợp cũng như chi tiết diện tích đất các loại tương ứng nhằm đáp ứng yêu cầu phân tích đánh giá sâu hơn kết quả sử dụng đất trong năm của địa phương (xem dự thảo biểu mẫu báo cáo cải tiến xem phần phụ lục biểu kèm theo).

2. Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá đầy đủ, chính xác và khoa học hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta

áp dụng cho công tác thống kê nông nghiệp và thủy sản giai đoạn (2010 - 2020)

Theo khuyến cáo của FAO việc tính toán chỉ tiêu *giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản* khá đơn giản và khả thi đối với nhiều nước nhưng nhược điểm cơ bản là chỉ tiêu này chưa phản ánh đúng hiệu quả cuối cùng của quá trình sử dụng đất (đó là lợi nhuận sau thuế thu được trên một đơn vị diện tích đất). Thực tế khảo sát ở một số tỉnh cho thấy: có những loại cây có giá trị sản phẩm trên 1 ha trong năm có thể đạt thấp hơn cây khác nhưng vốn đầu tư đòi hỏi lại ít hơn, tỷ lệ chi phí vật chất và công lao động thấp, nên tỷ suất lợi nhuận mang lại cao hơn, do đó việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vào những loại cây này ở một số địa bàn, ở các nước đang phát triển vốn ít lại mang tính khả thi và hiệu quả cao hơn. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ phân vùng, quy hoạch chuyên môn hoá sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây, con đúng hướng một số Cục Thống kê ở nước ta năm 2003 (Tiền Giang, Thanh Hoá, Nghệ An,...) đã tổ chức điều tra giá trị sản phẩm và chi phí sản xuất để tính chỉ tiêu thu nhập hoặc lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản. Kết quả điều tra ở các tỉnh này đã khắc phục những nhược điểm mà chúng tôi đã nêu ở phần I.4, đồng thời tính được chỉ tiêu thu nhập và lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản, phản ánh đúng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản trong năm của địa phương và đơn vị sử dụng đất, phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và thủy sản ở địa phương.

Như vậy về lâu dài, theo chúng tôi để nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản một cách toàn diện, chính xác và khoa học tiếp cận và theo kịp trình độ thống kê chung của các nước cần tổ chức các cuộc điều tra và nghiên cứu xây dựng phương án điều tra theo hệ thống 3 nhóm chỉ tiêu theo khuyến nghị của FAO.

Để triển khai công việc này cần thực hiện lộ trình từng bước như sau:

Thứ nhất, cần nghiên cứu tổng kết nội dung và phương pháp thu thập số liệu điều tra ở 3 tỉnh đã thực hiện (Nghệ An, Tiền Giang, Thanh Hoá). Đồng thời tổ chức điều tra thử giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất các cây, con chủ yếu để tính chỉ tiêu thu nhập, lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích đất phục vụ định hướng cho quá trình chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở địa phương.

Thứ hai, Cần tổ chức nghiên cứu khảo sát thực tế để đưa vào phiếu điều tra các yếu tố chi phí đầu vào trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản (phân hoá học, thuốc phòng trừ sâu bệnh, nấm bệnh và thuốc diệt cỏ,...) đang được sử dụng phổ biến hiện nay ở các vùng nông thôn nước ta để có thêm những thông tin đánh giá một cách đầy đủ hơn quá trình sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Căn cứ vào kinh nghiệm của các nước và khuyến nghị của FAO, kinh nghiệm điều tra thực tế từ 3 tỉnh Tiền Giang, Nghệ An, Thanh Hoá để thu được thông tin về chỉ tiêu này một cách chính xác và khoa học đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất các địa phương, các vùng trong cả nước và so sánh quốc tế cần tổ chức thành một cuộc điều tra riêng vào cuối năm.

Mục đích của cuộc điều tra nhằm đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng ruộng đất trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, giúp cho các cấp, các ngành có biện pháp chỉ đạo quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao *lợi nhuận trên một đơn vị diện tích*, đồng thời gắn với phân tích quá trình phát triển nông nghiệp bền vững đưa ra những cảnh báo cần thiết về bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Đối tượng và đơn vị điều tra là các đơn vị, địa phương có diện tích đất nông nghiệp và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tập trung sử dụng hàng năm vào sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Nội dung điều tra như sau:

- Diện tích các loại đất sử dụng thực tế trong năm (phân tổ chi tiết theo từng loại đất và mô hình xen canh đa ngành).

- Đơn giá thực tế, sản lượng cây trồng và sản lượng thủy sản đã thu hoạch trong một năm (phân tổ theo các loại đất tương ứng).

- Chi phí sản xuất (chi phí vật chất và chi phí lao động sống, kể cả giá trị công lao động thuê ngoài).

Phương pháp điều tra là điều tra chọn mẫu một số đơn vị đại diện cho các loại cây trồng, các loại đất, các mô hình sử dụng đất (kể cả mô hình nuôi trồng kết hợp). Huyện được chọn làm địa bàn phân vùng chọn mẫu điều tra tính toán giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất, thu nhập, lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích.

Mỗi huyện được phân chia thành các vùng sản xuất có tập quán canh tác khác nhau như sau:

- Vùng sản xuất lúa (bao gồm: chuyên canh lúa hoặc lúa màu).
- Vùng chuyên canh rau màu, cây công nghiệp hàng năm.
- Vùng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả
- Vùng nuôi trồng thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác).
- Vùng sản xuất nuôi trồng kết hợp (xen canh, luân canh gối vụ giữa các loại cây trồng, vật nuôi theo mô hình canh tác hỗn hợp).

Mỗi vùng chọn ít nhất 1 xã có diện tích xấp xỉ diện tích bình quân 1 xã trong vùng để tiến hành điều tra. Mỗi xã chọn 1 thôn, ấp đại diện có diện tích xấp xỉ diện tích bình quân 1 thôn, ấp trong xã đại diện, mỗi ấp tiến hành chọn 15 - 20 hộ thực tế có các cây, con đại diện cho mỗi vùng kinh tế trong huyện.

Hộ đại diện được tiến hành chọn theo phương pháp ngẫu nhiên theo khoảng cách trên cơ sở đảm bảo tính đại diện cho vùng.

Xác định khoảng cách chọn hộ mẫu (K) theo công thức sau:

$$K = \frac{N}{15}$$

Trong đó: K là khoảng cách hộ

N là tổng số hộ có diện tích trồng và thu hoạch sản phẩm của thôn, ấp. Hộ được chọn đầu tiên là có số thứ tự nằm ở giữa bảng danh sách hộ của thôn,

ấp (ví dụ có số thứ tự là N). Các hộ tiếp theo được chọn theo công thức N-1K, N-2K...; N+1K, N+2K... cho đến khi chọn đủ 15 hộ cần điều tra trong thôn.

Việc thu thập số liệu được tiến hành theo phương pháp điều tra trực tiếp. Cụ thể điều tra viên đến từng hộ phỏng vấn kết hợp quan sát các tài liệu đất đai liên quan của hộ để ghi chép vào phiếu (xem mẫu phiếu điều tra phân phụ lục kèm theo).

KẾT LUẬN

Đề tài khoa học: “Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản” được thực hiện trong năm 2004 nhằm nghiên cứu hoàn thiện nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản trước yêu cầu đòi hỏi thực tiễn của các cấp, các ngành và các địa phương trong cả nước, kể cả yêu cầu so sánh quốc tế.

Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài đã nêu lên những yêu cầu cần thiết về nghiệp vụ đối với ngành thống kê trước nhu cầu thông tin của các cấp, các ngành về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo mục tiêu thi đua nâng cao giá trị sản phẩm xây dựng nhiều cánh đồng đạt 50 triệu đồng/ha/năm. Nội dung đề tài đã đánh giá thực trạng ưu, nhược điểm về nội dung và phương pháp thu thập, tính toán chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở một số địa phương trong năm 2003. Kết hợp với tham khảo tài liệu của FAO và 4 nước (Nhật Bản, Indonesia, Nê Pan, Philippine) đề tài đã đề xuất những vấn đề cần hoàn thiện về nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản cho phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam và đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia áp dụng trong giai đoạn thống kê 2005 - 2010. Đề tài đã nêu lên những vấn đề cần hoàn thiện về nội dung và phương pháp tính đối với chỉ tiêu này

trong những năm trước mắt bao gồm: Bổ sung hoàn thiện một số quy định chưa phù hợp trong thông tư số: 94/TCTK-NLTS của Tổng cục Thống kê; bổ sung các văn bản pháp lý liên quan về phân ngành kinh tế trong ngành nông nghiệp và thủy sản; sửa đổi lại các phân loại về sản phẩm, về phân loại đất trong hệ thống biểu mẫu báo cáo nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm; bổ sung những thông tin cần thu thập từ các cuộc điều tra khác liên quan phục vụ cho việc tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản.

Trong giai đoạn thống kê tiếp theo, đề tài kiến nghị lộ trình từng bước cần thiết nghiên cứu xây dựng một hệ thống chỉ tiêu phản ánh toàn diện, chính xác và khoa học theo 3 nhóm chỉ tiêu của FAO với những chuẩn mực chung của quốc tế để tiếp cận và theo kịp trình độ thống kê chung của các nước trong khu vực và thế giới. Bước sang giai đoạn này, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất phải được tổ chức thành một cuộc điều tra có mục đích, đối tượng, phạm vi, đơn vị, nội dung và phương pháp điều tra riêng, gắn nội dung điều tra giá trị sản phẩm với chi phí sản xuất, thu nhập, lợi nhuận thu được trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản và tác động của sản xuất nông nghiệp và thủy sản với phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

PHỤ LỤC

Phụ biểu 1

Huyện: _____

Xã: _____

Ấp: _____

Hộ số: _____

PHIẾU ĐIỀU TRA

TỔNG THU TỪ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM ...

A. THÔNG TIN CHUNG CỦA HỘ

- 1 Họ tên chủ hộ:.....
- 2 Số nhân khẩu : Người
- 3 Số lao động trong tuổi: Người
- 4 Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ quản lý sử dụng có đến 31/12/...
 Chia ra :
DT trồng lúa (kể cả lúa, màu): ha
DT trồng rau màu: ha
DT trồng cây ăn quả: ha
DT trồng cây công nghiệp: ha
 5 *DT nuôi trồng thủy sản:* ha
DT trồng trọt kết hợp nuôi thủy sản
 6 ha
DT trồng lúa kết hợp nuôi cá
 ha
DT trồng lúa kết hợp nuôi tôm
 ha
 ha

B. TỔNG THU CỦA HỘ

A CÂY HÀNG NĂM

STT		Diện tích gieo trồng (ha)	Sản lượng thu hoạch (kg)	Đơn giá thực tế (đồng/kg)	Giá trị sản phẩm (nghìn đồng)
-----	--	---------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	-------------------------------------

A	B	2	3	4	5
	TỔNG SỐ				
1	Lúa				
	<i>Đông Xuân</i>				
	<i>Hè thu</i>				
	<i>Mùa</i>				
2	Ngô				
3	Khoai lang				
4	Khoai mì (sắn)				
5	Khoai mỡ				
6	Cây có bột khác				
7	Rau các loại				
	<i>Chia ra :</i>				
	-.....				

STT		Diện tích gieo trồng (ha)	Sản lượng thu hoạch (kg)	Đơn giá thực tế (đồng/kg)	Giá trị sản phẩm (nghìn đồng)
A	B	2	3	4	5
8	Đậu ăn hạt các loại				
9	Cây công nghiệp hàng năm				
	- <i>Đậu nành</i>				
	- <i>Lạc(đậu phụng)</i>				
	- <i>Mía</i>				
	- <i>Cói (Bàng)</i>				
	-				
10	Cây hàng năm khác				
	- <i>Cây làm thuốc</i>				
	- <i>Cây làm thức ăn gia súc</i>				
	- <i>Hoa, cây cảnh</i>				
	-				
11	<u>Sản phẩm phụ trồng trot</u>				
	<i>(chỉ tính thực tế có sử dụng)</i>				
	Rơm rạ	X	X	X	
		X	X	X	
		X	X	X	
		X	X	X	

B CÂY LÂU NĂM VÀ CÂY ĂN QUẢ

STT		Diện tích đã trồng (ha)	DT cho sản phẩm (ha)	Sản l- ượng thu hoạch (kg)	Đơn giá thực tế (đồng/kg)
A	B	2	3	4	5
	TỔNG SỐ				
a	Cây công nghiệp lâu năm				
1	<i>Dừa</i>				
2	<i>Điều</i>				
3					
4					
b	Cây ăn quả				
1	<i>Dứa (Khóm)</i>				
2	<i>Cam</i>				
3					
4					

C THỦY SẢN

		Diện tích nuôi trồng (ha)	Sản lượng Thu hoạch (kg)	Đơn giá thực tế (đồng/kg)	Giá trị sản phẩm (nghìn đồng)
	TỔNG SỐ				
	<i>Chia ra :</i>				
1	Cá ba sa				
2	Tôm sú				
3					
4					
5					

D TRỒNG TRỌT KẾT HỢP NUÔI THỦY SẢN

		Diện tích (ha)	Sản lượng Thu hoạch (kg)	Đơn giá thực tế (đồng/kg)	Giá trị sản phẩm (nghìn đồng)
1	LÚA + CÁ				
	<i>Chia ra :</i>				

	Lúa				
	Rơm, rạ có thu hoạch				
	Cá				
2	LÚA + TÔM				
	<i>Chia ra :</i>				
	Lúa				
	Rơm, rạ có thu hoạch				
	Tôm				
3					

Giám sát viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ biểu 2

Huyện: _____

Xã: _____

Ấp : _____

Hộ số : _____

PHIẾU ĐIỀU TRA
CHI PHÍ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM ...

Họ tên chủ hộ:.....

Tên cây

trồng:.....

DVT : nghìn
đồng

A. TRỒNG TRỌT (Cây hàng năm và cây lâu năm)

		Tổng số	Chia theo từng loại cây			
	TỔNG SỐ					
I	Chi phí vật chất					
1	Giống cây trồng					
2	Phân Bón (phân tổ chi					

	tiết)					
3	Thuốc BVTV (phân tổ chi tiết)					
4	Nhiên Liệu (xăng, dầu,...)					
5	Điện					
6	Chi phí dụng cụ nhỏ					
7	Thủy lợi phí					
8	Chi phí làm đất, cày,...					
9	Bảo hiểm cây trồng					
10	Chi phí thu hoạch					
11	Khấu hao tài sản cố định					
12	Chi phí khác					
II	Chi phí lao động					
	1. Làm đất					
	2.....					
	Cộng chi phí sản xuất (i+II)					

B. NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐVT : nghìn đồng

		Tổng số	Chia theo loại con			
	TỔNG SỐ					
I	Chi phí vật chất					
1	Chi phí về giống					
2	Thức ăn					
3	Thuốc Thú y					
4	Nhiên Liệu (xăng, dầu.....)					
5	Điện, nước					

6	Chi phí dụng cụ nhỏ					
7	Dịch vụ chăn nuôi					
8	Khấu hao tài sản cố định					
9	Chi phí khác (chia ra:)					
II	Chi phí lao động					
	1. Nuôi dưỡng					
	2.....					
	Cộng chi phí sản xuất (i+II)					
						

Giám sát viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

**C TRỒNG TRỌT KẾT HỢP
NUÔI THỦY SẢN**

ĐVT : nghìn đồng

		Tổng số	Chia theo loại			
			Lúa+Cá	Lúa+Tôm		
	TỔNG SỐ					
I	Chi phí vật chất					
1	Chi phí về giống					
2	Thức ăn					

3	Thuốc Thú y					
4	Nhiên Liệu (xăng, dầu.....)					
5	Điện, nước					
6	Chi phí dụng cụ nhỏ					
7	Dịch vụ chăn nuôi					
8	Khấu hao tài sản cố định					
9	Chi phí khác (chia ra:)					
II	Chi phí lao động					
	1. Nuôi dưỡng					
	2.....					
	Cộng chi phí sản xuất (i+II)					
						

Giám sát viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ biểu 3

**Phiếu điều tra sản xuất và chi phí sản xuất trên một ha
của Indone sia**

Tên cây trồng năm.....

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị (Rp)
Sản lượng thu hoạch Tổng chi phí 1. Giống - Mua ngoài - Tự sản xuất 2. Thuốc phòng trừ sâu bệnh - Thuốc trừ sâu - Thuốc khác 3. Phân bón - Phân hoá học + Phân Urê + TSP/DAP + Khác - Phân chuồng và loại phân khác 4. Các khoản chi phí về: - Dụng cụ nhỏ - Thuê tài sản (hoặc khấu hao TSCĐ) - Phí thủy lợi - Bảo vệ - Vận chuyển - Khác 5. Tiền công (bao gồm cả công tự làm) - Công làm đất - Công gieo trồng - Công chăm sóc - Công thu hoạch - Công khác 6. Các loại chi phí khác - Thuế - Khác Sản phẩm phụ		

Phụ biểu 4

1. Phiếu điều tra kết quả sản xuất và chi phí của Nê Pan

	Đơn vị	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
--	--------	----------	---------	---------

Giống Phân bón Thuốc trừ sâu, diệt cỏ Tiền thuê đất Các chi phí khác Sản phẩm chính thu được Sản phẩm phụ				
---	--	--	--	--

2. Phiếu điều tra về các loại tài sản, dụng cụ sử dụng của Nê Pan

Tên loại tài sản	Đơn vị tính	Giá trị ban đầu	Thời gian sử dụng	Khấu hao
Kho chứa Chuồng trại Máy kéo Máy bơm Máy phun thuốc Cày Bừa Liềm Khác				

3. Phiếu điều tra công lao động của Nê Pan

Công việc	Ngày công lao động		Tiền công		
	Lao động của hộ	Lao động thuê ngoài	Trả bằng tiền	Trả bằng hiện vật	Tổng tiền công
Làm đất Gieo/cấy Bón phân Thuỷ lợi Phun thuốc Gặt Vận chuyển Ra hạt Khác					

Phụ biểu 5

các phương pháp tính chỉ tiêu giá trị

trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp

và thuỷ sản của một số tỉnh

Để phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh về đánh giá hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị sử dụng đất, một số Cục Thống kê (Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang,...) đã có văn bản tạm thời qui định về nội dung, phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một hecta đất nông nghiệp và thuỷ sản. Dưới đây là nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thuỷ sản của một số địa phương trước khi có thông tư hướng dẫn của tổng cục Thống kê tháng 2 năm 2004:

Tỉnh Thanh Hoá: Từ năm 2000 Cục Thống kê tỉnh Thanh Hoá đã có văn bản hướng dẫn các huyện điều tra để tính giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất trồng cây hàng năm, không điều tra đất trong vườn liền nhà vì nó không ảnh hưởng tới quy hoạch bố trí sản xuất nông nghiệp do huyện, thành phố, thị xã quản lý. Ngày 05 tháng 3 năm 2003 Cục Thống kê Thanh Hoá có văn bản số 109 - NLTS/CTK “v/v tính chỉ tiêu hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp”; sau đó ngày 04 tháng 6 năm 2003 có văn bản số: 321 TKNN/TH hướng dẫn điều tra tính giá trị trên một đơn vị diện tích. Nội dung cuộc điều tra bao gồm: diện tích gieo trồng cây hàng năm, năng suất và sản lượng hữu ích hộ thu hoạch các vụ trong năm (kể cả sản phẩm phụ thu được), giá bán thực tế bình quân năm tại địa phương, chi phí sản xuất cho từng loại cây hàng năm (kể cả giá trị công lao động tự làm và thuê ngoài), thu nhập (bằng tổng giá trị trồng trọt thu được (C+V+M) trừ đi tổng chi phí vật chất (C) cho trồng trọt trong năm và công lao động thuê ngoài). Phương pháp điều tra theo cách chọn mẫu 3 cấp (xã, thôn và hộ đại diện) theo danh sách được lập ở từng cấp. Cách chọn đơn vị mẫu như sau: huyện tiến hành phân chia thành các vùng kinh tế kỹ thuật và sắp xếp các xã trong vùng theo thứ tự trình độ sản xuất khá, trung bình và kém, thông qua phương pháp chuyên gia chọn ra 3 xã: 1 xã khá, 1 xã trung bình và 1 xã yếu. Cách chọn thôn cũng giống như cách

chọn xã. Cách chọn hộ mẫu lập danh sách sắp xếp hộ trong thôn đại diện từ hộ giàu, trung bình đến hộ nghèo, trong từng loại hộ sắp xếp theo thứ tự diện tích đất canh tác của hộ, từ đó bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên theo khoảng cách chọn ra một số hộ đại diện để điều tra. Giá để tính là giá bình quân thực tế tại địa phương điều tra, sản phẩm của hộ (để ăn, bán, cho biếu,...) đều tính theo giá bán của người sản xuất.

Tỉnh Ninh Bình: Ngày 24 - 9 - 2003 Cục Thống kê Ninh Bình đã dự thảo văn bản hướng dẫn “Phương pháp tính giá trị sản xuất trên một ha đất nông nghiệp”. Khái niệm các chỉ tiêu như sau:

Giá trị sản xuất trên một ha đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm) là giá trị sản xuất bình quân một hecta các sản phẩm thu hoạch trên đất nông nghiệp bao gồm: sản phẩm chính thu hoạch cây hàng năm, cây lâu năm và giá trị sản phẩm phụ có thu hoạch và sử dụng của tất cả các loại cây trồng thu được trên đất nông nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm (không bao gồm giá trị dịch vụ nông nghiệp).

Giá trị sản xuất trên một ha mặt nước nuôi trồng thủy sản là giá trị sản xuất bình quân một ha của giá trị các sản phẩm (cá, tôm, cua, nghêu, ngao, sò, tảo, ngọc trai, rau câu,... thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản thực tế có thu hoạch) trên diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm (không bao gồm giá trị dịch vụ thủy sản).

Đơn giá để tính được xác định bằng phương pháp:

Điều tra trực tiếp giá bán sản phẩm nông nghiệp, thủy sản của hộ nông dân ở các thời điểm trong năm hoặc lấy giá bán điều tra trên thị trường nông thôn trừ đi chi phí vận tải, phí thương nghiệp.

Nguồn số liệu để tính toán chỉ tiêu khai thác số liệu từ các cuộc điều tra, báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo giá thực tế và diện tích đất từ báo cáo hàng năm vào ngày 1 tháng 10 của Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên - Môi trường).

Ở Ninh Bình, trong cơ cấu đất sản xuất: đất nông nghiệp chiếm 93% diện tích (không kể rừng tự nhiên), còn lại diện tích rừng trồng chỉ chiếm 7% diện tích. Trong đất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm chiếm 81%, đất cây lâu năm 2,4%, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản chiếm 6,6%, đất nông nghiệp khác chiếm 10%.

Theo cơ cấu đất của tỉnh nêu trên, Cục Thống kê hướng dẫn các huyện tính giá trị sản xuất cho 3 loại đất chủ yếu sau: đất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Kết quả tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất trên 1 ha đất của tỉnh Ninh Bình từ 2000 đến năm 2001 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	2000	2001	2002
GTSX trồng trọt/ha đất nông nghiệp	18.0	19.3	21.9
GTSX cây hàng năm/ha đất canh tác	19.7	19.7	21.6
GTSX thủy sản/ha nuôi thủy sản	14.6	17.7	32.4

Tỉnh Thái Bình: Ngày 15 tháng 7 năm 2003 Cục Thống kê Thái Bình có văn bản số 105 - TK/NN quy định tạm thời “về phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một hecta đất sản xuất nông nghiệp và thủy sản”.

Giá trị sản phẩm được tính theo công thức: bằng sản lượng sản phẩm sản xuất trong năm nhân với (x) đơn giá bán bình quân trong năm tại chợ nông thôn. Diện tích để tính toán là diện tích đất nông nghiệp (đất canh tác, đất trồng cây lâu năm) và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản; đối với diện tích đất nông nghiệp có kết hợp nuôi trồng thủy sản thì vẫn tính là đất nông nghiệp. Phạm vi tính toán là huyện, xã và cánh đồng, hộ gia đình. Nguồn số liệu thu thập tính toán chỉ tiêu này được khai thác từ các cuộc điều tra của ngành thống kê (như: điều tra diện tích, năng suất và sản lượng các loại cây

trồng, điều tra thủy sản, điều tra giá, báo cáo giá trị sản xuất,...) và số liệu của Sở Tài nguyên - Môi trường ngày 1 tháng 10 hàng năm.

Tỉnh Tiền Giang: Ngày 16 tháng 4 năm 2003 tỉnh Tiền Giang có văn bản số: 361/NN ban hành “phương án điều tra kết quả sản xuất trên một hecta đất nông nghiệp năm 2002” theo phương pháp chọn mẫu trên cơ sở phân vùng trọng điểm kết hợp với việc sử dụng phương pháp chuyên gia để chọn những đơn vị đại diện cho vùng sản xuất và loại cây trồng khác nhau:

- Mỗi huyện phân các xã thành 4 vùng sản xuất chủ yếu:

- + Vùng lúa (lúa, màu)

- + Vùng màu.

- + Vùng cây ăn quả.

- + Vùng kết hợp và nuôi trồng thủy sản

- Mỗi vùng chọn 1 xã để tiến hành điều tra thu thập số liệu, riêng vùng lúa chọn 2 xã đại diện để điều tra, số xã cần thu thập số liệu là 5 xã. Các xã trong vùng được sắp xếp theo độ dốc diện tích cây trồng đại diện. Xã được chọn là xã có diện tích xấp xỉ diện tích bình quân 1 xã trong toàn vùng.

- Mỗi xã chọn 1 ấp đại diện, các ấp trong xã đại diện được sắp xếp theo độ dốc diện tích cây trồng đại diện, ấp được chọn là ấp có diện tích xấp xỉ diện tích bình quân 1 ấp trong xã đại diện.

- Mỗi ấp tiến hành chọn 15 hộ thực tế có sản xuất nông nghiệp trong năm 2002 và đại diện cho vùng kinh tế trong huyện.

- Hộ đại diện được chọn theo phương pháp chuyên gia trên cơ sở đảm bảo tính đại diện cho vùng nhưng có sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản theo phương hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Việc thu thập số liệu được tiến hành theo phương pháp điều tra trực tiếp. Điều tra viên đến từng hộ phỏng vấn kết hợp quan sát tài liệu đất đai của hộ để ghi chép vào phiếu điều tra.

Nội dung điều tra gồm những thông tin sau:

- Giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất và thu nhập bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp trong năm .
- Giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất và thu nhập bình quân /ha đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả trong năm.
- Giá trị sản phẩm, chi phí sản xuất và thu nhập bình quân /1ha cây lúa trong năm.
- Giá trị sản phẩm, giá trị sản xuất và thu thập bình quân / 1ha đất cây màu trong năm.

Từ số liệu điều tra, tổng hợp tính toán các chỉ tiêu: giá trị sản phẩm (kể cả giá trị sản phẩm phụ), thu nhập bình quân 1 ha từng loại đất lúa, đất rau màu, cây công nghiệp, đất trồng cây ăn quả, đất chuyển sang nuôi trồng thủy sản của tỉnh (mẫu điều tra đại diện tính chung cho tỉnh, không tính riêng cho từng huyện).

Tỉnh Hải Dương: Trong hệ thống chỉ tiêu thời kỳ 2001 - 2005 của tỉnh đã quy định nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản xuất trên một ha đất nông nghiệp bao gồm: giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản trong năm theo giá hiện hành trên diện tích đất nông nghiệp và diện tích nuôi trồng thủy sản. Nguồn số liệu dựa vào số liệu các cuộc điều tra của ngành thống kê, báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp và giá trị sản xuất ngành thủy sản và số liệu địa chính vào ngày 1 tháng 10 hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Tỉnh Hà Nam: Năm 2003 có văn bản hướng dẫn các huyện trong tỉnh khai thác nguồn số liệu sẵn có (điều tra diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng, điều tra chăn nuôi, điều tra thủy sản, báo cáo giá trị sản xuất, điều tra giá, số liệu diện tích đất của ngành Địa chính,...) để tính 2 chỉ tiêu:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp (kể cả trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp) và giá trị nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất trên đất trồng lúa và trên vùng ruộng trũng chuyển đổi).

- Giá trị sản xuất nông nghiệp (không kể giá trị chăn nuôi) trên diện tích đất nông nghiệp .

Phụ biểu 6

Biểu số 22/NNTS-T: BIỂU CÁI TIẾN GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN MỘT ĐƠN

VỊ DIỆN TÍCH

	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
A	B	C	1
A. Diện tích đất nông nghiệp và thủy sản	01	Ha	
I. Diện tích đất nông nghiệp	02	Ha	
1. DT đất trồng cây hàng năm	03	Ha	
<i>1.1 DT đất trồng cây lương thực</i>	04	Ha	
- DT đất trồng lúa	05	Ha	
	06	Ha	
Trong đó: DT đất trồng lúa đặc sản	07	Ha	
DT đất trồng lúa chất lượng cao	08	Ha	
- DT đất trồng ngô	09	Ha	
Trong đó: DT Ngô lai	Ha		
<i>1.2 DT đất trồng rau màu</i>	10	Ha	
-		Ha	
-		Ha	
<i>1.3 Dt đất trồng cây công nghiệp hàng năm</i>	17	Ha	
- Đỗ tương	18	Ha	
- Lạc	19	Ha	
-		Ha	
<i>1.4 DT đất trồng cây hàng năm khác</i>	26	Ha	
- Dt đất trồng hoa, cây cảnh	27	Ha	
-.....		Ha	
2. DT đất trồng cây lâu năm	31	Ha	
<i>2.1 Dt đất trồng cây công nghiệp lâu năm</i>	32	Ha	
- Cao su	33	Ha	
-.....		Ha	
-.....		Ha	
<i>2.2 DT đất trồng cây ăn quả</i>	41	Ha	
- Cam	42	Ha	
- Xoài	43	Ha	
-.....		Ha	
-.....		Ha	
II. Diện tích nuôi trồng thủy sản	50	Ha	
1. Diện tích nuôi tôm	51	Ha	
- Tôm sú	52	Ha	
A	B	C	1
-.....		Ha	
2. Diện tích nuôi cá	60	Ha	
- Cá ba sa	61	Ha	
-.....		Ha	

3. Diện tích nuôi thủy sản khác	70	Ha	
- Cua	71	Ha	
-.....		Ha	
III. Diện tích trồng trọt kết hợp nuôi trồng thủy sản	80	Ha	
3.1 DT lúa + tôm	81	Ha	
3.2 DT lúa + cá	82	Ha	
3.3		Ha	
3.4.....		Ha	
B. Giá trị sản phẩm	180	Triệu đồng	
(Phân tổ tương ứng như phân tổ diện tích các loại đất nêu ở mục A)		Triệu đồng	
C. Giá trị sản phẩm trên 1 ha	260	Triệu đồng	
(Phân tổ tương ứng như phân tổ diện tích các loại đất nêu ở mục A)		Triệu đồng	

Người lập biểu
(Ký)

(Họ, tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký)

(Họ, tên)

....., ngày....tháng....năm 200...
Cục trưởng Cục Thống kê
(Ký, đóng dấu)

(Họ, tên)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu thống kê FAO, Nhật Bản và một số nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Philippine, Indonesia, Nê Pan).

2. Niên giám thống kê của FAO các năm 2001, 2002, 2003.
3. Những mô hình đạt 50 triệu đồng/ha/năm và 50 triệu đồng/hộ/năm do Trung tâm khuyến nông Quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xuất bản năm 2004.
4. Thông tin khoa học thống kê (chuyên san phương pháp tính giá trị trên đơn vị diện tích) năm 2003 - 2004 và các Tạp chí con số và sự kiện của Tổng cục Thống kê năm 2004.
5. Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá từ thế kỷ thứ XX đến thế kỷ thứ XXI trong thời đại kinh tế tri thức của Lê Quốc Sử – NXB Thống kê năm 2001.
6. Giáo trình thống kê nông nghiệp trường đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội xuất bản năm 1968.
7. Tài liệu thống kê nông nghiệp do Tổng cục Thống kê xuất bản năm 1980.
8. Tài liệu trong hội nghị “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, xây dựng nhiều cánh đồng, trang trại, hộ nông dân đạt và vượt 50 triệu đồng/ha/năm” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam và báo Nhân dân phối hợp tổ chức.
9. Tài liệu trong cuộc hội thảo phát động mục tiêu thi đua đạt 50 triệu đồng/ha/năm và thu nhập 50 triệu đồng/hộ nông dân/năm của Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
10. Các văn bản quy định phương pháp tính chỉ tiêu giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất của Cục Thống kê các tỉnh: Thanh Hoá, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Hải Dương, Hà Tây, Nghệ An, Tiền Giang, Vĩnh Long,...
11. Thông tư số: 94 - TCTK/NLTS ngày 25 - 2 - 2004 hướng dẫn tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên một hecta đất của Tổng cục Thống kê.
12. Các bài báo về giá trị sản phẩm trên 1 ha đất nông nghiệp và thuỷ sản đăng trên các báo Nhân dân, báo Nông nghiệp Việt Nam, báo Nông thôn ngày nay năm 2003 - 2004.

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC

STT	Nội dung	Số trang
1	Các báo cáo chuyên đề	
	<i>Chuyên đề 1:</i> Nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất của FAO và một số nước trên thế giới	21 trang
	<i>Chuyên đề 2:</i> Tổng hợp các phương pháp tính hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản ở nước ta	22 trang
	<i>Chuyên đề 3:</i> Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất trồng cây hàng năm	20 trang
	<i>Chuyên đề 4:</i> : Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất trồng cây lâu năm	19 trang
	<i>Chuyên đề 5:</i> : Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích nuôi trồng thủy sản	20 trang
	<i>Chuyên đề 6:</i> Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở tỉnh Hà Tây	18 trang
	<i>Chuyên đề 7:</i> : Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tính chỉ tiêu giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản ở tỉnh Tiền Giang	22 trang
	<i>Chuyên đề 8:</i> Phương pháp điều tra thu thập số liệu tính chỉ tiêu giá trị sản phẩm và thu nhập trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và thủy sản	20 trang
2	Báo cáo tổng hợp	62 trang
3	Báo cáo tóm tắt	32 trang